**MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

**VÀ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP ĐỐI MỚI, SÁNG TẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN QUẢNG BÌNH**

***Nguyễn Ngọc Phương***

***TUV. Phó trưởng Đoàn ĐBQHQB***

***Chủ trương, chính sách và pháp luật hiện hành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo là điều kiện quan trọng, cần thiết, mang tính đột phá, góp phần tăng trưởng kinh tế của mọi quốc gia. Trong những năm đổi mới ở nước ta, chủ trương, chính sách và pháp luật hiện hành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo được Đảng và Chính phủ quan tâm, đồng thời có nhiều chủ trương, giải pháp tư vấn, khuyến khích tạo đà phát triển.***

Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những khó khăn, hạn chế nảy sinh trong thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật hiện hành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, việc tổ chức Hội nghị “Đối thoại về các chính sách pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh của doanh nghiệp", là mong muốn, cần thiết trên địa bàn Quảng Bình.

Tôi đánh giá cao ý nghĩa, việc tổ chức Hội nghị của Hội Luật gia và xin tham luận với nội dung: “Một số chủ trương, chính sách và pháp luật hiện hành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo triển khai thực hiện trên địa bàn Quảng Bình”.

1. **Khái niệm và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp:**

Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, doanh nghiệp khởi nghiệp - startup là quá trình khởi nghiệp dựa trên việc tạo ra hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với tính chất là các quy định, cơ chế, chính sách và cách thức can thiệp từ góc độ Nhà nước để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, qua đó thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp. Đây chính là tổng thể các biện pháp về thể chế pháp luật, tài chính và phi tài chính nhằm giúp doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nhân lực, nghiên cứu, phát triển ý tưởng, sản phẩm, tham gia thị trường và phát triển thị trường, trở thành những doanh nghiệp thực thụ, mang lại doanh thu cho chủ sở hữu và các nhà đầu tư.

**2. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp:**

Với việc Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, lần đầu tiên hoạt động hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đã được quy định tại văn bản luật, có hiệu lực pháp lý cao. Đây là cơ sở để hình thành một hệ thống quy định và chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi cả nước, trong đó có các chính sách hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cụ thể:

***Nội dung hỗ trợ bao gồm:***

- Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

- Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

- Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

***Nội dung đầu tư bao gồm:***

- Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các NĐT tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên ắc sau: Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư; nhà đầu tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

- Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau: Lựa chọn các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn; Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư...

- Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chính phủ đã ban hành một số văn bản như: Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP về hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngày 18/02/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 9/CT-TTg về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Trong các văn bản hướng dẫn trên, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đã quy định cụ thể vấn đề đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Các nội dung được quy định tại Nghị định này tạo khung pháp luật cơ bản cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

*- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp về vốn:* Cần tập trung vào việc xây dựng các hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, các nhà đầu tư thiên thần, các nhà đầu tư mạo hiểm nhằm khuyến khích việc tham gia đầu tư vốn trong và ngoài nước, thông qua việc góp vốn vào các quỹ đầu tư, rót vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp, hoặc mua lại tỉ lệ sở hữu doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn đầu.

*- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp về tiếp cận nguồn tín dụng*: Các ưu đãi tín dụng, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay vốn từ các tổ chức tín dụng thông qua ngân hàng chính sách xã hội, các Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoặc đáp ứng được các tiêu chí đối với doanh nghiệp đổi mới sáng tạo theo chính sách của Nhà nước.

*- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp về ưu đãi thuế:* Sử dụng thuế suất tiêu chuẩn thấp; thuế suất ưu đãi; miễn toàn bộ hoặc một phần thuế thu nhập doanh nghiệp; giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các nhóm lợi nhuận mục tiêu; chiết khấu đầu tư và tín dụng thuế; thực hiện chính sách khấu hao nhanh tài sản cố định; khấu trừ thuế; ưu đãi thuế gián tiếp; miễn giảm thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng; cơ chế kích hoạt tài chính; giảm gánh nặng lỗ cho doanh nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp về các vấn đề khác gồm cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông, chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, sở hữu trí tuệ thông qua việc hỗ trợ phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ, các khu làm việc, nghiên cứu chung. Tổ chức các khóa đào tạo nhằm tạo điều kiện ban đầu để các doanh nghiệp khởi nghiệp có đủ phương tiện, thiết bị, hạ tầng để thực hiện dự án kinh doanh của mình với chi phí hợp lý nhất.

**3. Thực tiễn thi hành pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp**

*- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp:* Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận chính sách, thông tin pháp lý và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, từng nhóm đối tượng khác nhau. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, như pháp luật về đầu tư, bảo hiểm xã hội, lao động, thuế…

Ngoài ra, nhằm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp, Tỉnh cần tiến hành rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật quy định về vấn đề này và đăng công khai lên các phương tiện đại chúng để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận. Xây dựng và ban hành Hệ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân ban hành theo thẩm quyền liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp, Công nghiệp - Thương mại, Thông tin - Truyền thông và Xây dựng.

*- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp:*Tập trung vào các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, như: Pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội, pháp luật về thuế, kế toán, pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, pháp luật về kinh doanh bất động sản, đầu tư, các quy định mới của Bộ Luật dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2015, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng,...

*- Hỗ trợ công tác tư vấn pháp luật:* Giải đáp bằng văn bản, giải đáp thông qua mạng điện tử, giải đáp trực tiếp, điện thoại, các doanh nghiệp đã được tư vấn, cung cấp ý kiến pháp lý để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó, tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật đối với doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất, ổn định xã hội, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh tại Việt Nam.

*- Tổ chức hội thảo, tọa đàm, hội nghị đối thoại về các chuyên đề pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp:*Tập trung chủ yếu vào việc góp ý xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Luật, các chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực thi, áp dụng các quy quy định pháp luật, như: Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa,... Thông qua hoạt động này, các doanh nghiệp đã được kịp thời tiếp cận thông tin, cập nhật các chính sách, văn bản, các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, kiến thức pháp luật kinh doanh, đồng thời được trao đổi kinh nghiệm thực tiễn với các nhà quản lý, chuyên gia, góp phần phòng tránh rủi ro pháp lý, hoạch định các chiến lược đầu tư, kinh doanh phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, hoạt động này cũng đã thiết lập được diễn đàn trao đổi đa chiều, tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía doanh nghiệp, qua đó, có những đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện chính sách, khắc phục những lỗ hổng trong hệ thống pháp luật kinh doanh của Việt Nam.

**4. Thực trạng phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam**

Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam bắt đầu từ năm 2004-2005, với việc hình thành một số DNKNST trong lĩnh vực thương mại điện tử, dạy học trực tuyến. Sau gần 15 năm hình thành và phát triển đến nay, Hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia ngày càng hoàn thiện, với đầy đủ các thành tố quan trọng như: Các DNKNST, NĐT thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ kinh doanh, vườn ươm, công viên nghiên cứu, mạng lưới các huấn luyện viên/tư vấn, các cơ sở/đơn vị hỗ trợ nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu… thuộc cả khối tư nhân và Nhà nước.

Theo thống kê của Tạp chí Echelon (Singapore) Việt Nam hiện có khoảng 3.000 DNKNST, tăng gần gấp đôi so với số liệu ước tính cuối năm 2015 (khoảng 1.800 DN). Khoảng 40 cơ sở ươm tạo khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh đang hoạt động trên cả nước. Về hoạt động tài chính, hiện có khoảng 40 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam.

Nghiên cứu của Tập đoàn Amway phối hợp cùng Trường Đại học Technische Universitat Munchen, Công ty nghiên cứu thị trường Gesellschaft fuer Konsumforschung thực hiện trong năm 2017 cũng cho thấy, Việt Nam dẫn đầu thế giới về tinh thần khởi nghiệp, đứng thứ 2 về thái độ tích cực với khởi nghiệp. Cụ thể, 91% người Việt Nam được khảo sát cho biết, họ xem chuyện bắt đầu một công việc kinh doanh mới như một cơ hội nghề nghiệp đáng ao ước, 95% có thái độ tích cực với tinh thần khởi nghiệp, làm chủ. Tỷ lệ người Việt có thái độ thích cực với khởi nghiệp cao hơn mức trung bình thế giới, vốn chỉ dừng lại ở 77%. Bên cạnh đó, 96% người Việt được khảo sát cũng cho rằng, họ hoàn toàn cảm thấy thoải mái với việc tìm kiếm và thu hút khách hàng tiềm năng. 76% người Việt muốn khởi nghiệp “để được độc lập trong kinh doanh và tự chủ trong công việc kinh doanh của mình"… Những con số trên cho thấy, sự phát triển mạnh mẽ của DNKNST trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia Việt Nam trong thời gian gần đây.

**5. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển**

Với nỗ lực đẩy mạnh các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, DNKNST Việt Nam đã phát triển mạnh về cả số lượng lẫn chất lượng. Tuy nhiên, không phải DNKN nào cũng khởi nghiệp thành công. Nghiên cứu của Quỹ Global Emerging Markets cho thấy, trong tổng số 3.200 DNKN được khảo sát, chỉ có 12 DN tồn tại và chỉ có 1 DN giới thiệu thành công sản phẩm dịch vụ trên thị trường và tiếp tục phát triển. Tại Việt Nam, Nghiên cứu của Thanh Giang (2016) cũng ghi nhận kết quả tương tự, trung bình có 70% DNKN thất bại ngay trong năm đầu tiên, 20% thất bại trong năm thứ 2 và chỉ có 10% thành công.

Mặc dù, các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNKNST tuy đã được triển khai và đạt nhiều kết quả quan trọng nhưng thực tế vẫn còn những hạn chế, nhất định như: Việc chưa có luật dành riêng cho DNKNST cũng có những ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện chính sách, làm cho việc thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, các NĐT thiên thần chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Nhiều chính sách mới hiện nay chỉ mang tính khuyến khích chung chung. Tỷ lệ DNNVV tiếp cận được nguồn vốn tín dụng thấp, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV kém hiệu quả, khó khăn trong tiếp cận đất đai…

Nhằm đáp ứng nhu cầu và hoạt động khởi nghiệp một cách thực chất, các biện pháp hỗ trợ DNKNST trong thời gian tới cần tập trung thúc đẩy, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách và tài chính theo hướng đồng bộ, kịp thời và đúng mục đích… Trước mắt, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

*Thứ nh*ất, xây dựng cơ chế kết hợp tài chính từ các ngân hàng với tài chính từ các quỹ đầu tư mạo hiểm có phần góp vốn từ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo duy trì thường xuyên nguồn vốn hỗ trợ cho DNKNST.

*Thứ hai*, chỉ thu thuế TNDN sau khi DN đạt doanh thu ở một mức nhất định, tạo điều kiện để DNKNST tập trung các nguồn lực cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

*Thứ ba,* xây dựng quỹ đầu tư cho DNKNST ở cấp trung ương theo mô hình Fund of funds.

*Thứ tư*, kết hợp biện pháp hỗ trợ trợ cấp với các biện pháp hỗ trợ khác. Xây dựng các biện pháp hỗ trợ mang tính miễn trừ, tài trợ bên cạnh biện pháp trợ cấp nhằm cân bằng tài chính, tạo ra nguồn lực dài hạn tiến đến hỗ trợ bền vững cho các DNKNST.

*Thứ năm*, xác định cơ chế lựa chọn DNKNST nhận hỗ trợ từ Chính phủ. Theo đó, cần chia theo 2 loại, hỗ trợ thông thường mang tính miễn trừ, tài trợ và hỗ trợ đặc biệt mang tính trợ cấp cho các DN đăng ký, tránh lãng phí nguồn lực và tạo công bằng cho các DN khi tham gia thị trường

*Thứ sáu,* phát triển các cơ sở hỗ trợ bằng việc ưu đãi vốn, mặt bằng, cơ sở hạ tầng, thuế, công nghệ cho các vườn ươm, khu làm việc chung.

*Thứ bảy,* cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho DNKNST.

**6. Giải** **pháp, kiến nghị cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo triển khai thực hiện trên địa bàn Quảng Bình**

*Một là*, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chính sách, môi trường pháp lý. Hoàn thiện việc xây dựng pháp luật về chính sách, môi trường pháp lý về chiến lược khởi nghiệp quốc gia tùy vào thế mạnh riêng để tập trung vào lĩnh vực ưu tiên phù hợp, cải thiện môi trường kinh doanh về chính sách, môi trường pháp lý trong chiến lược khởi nghiệp quốc gia, từ đó giúp doanh nghiệp khởi nghiệp thành công trong hội nhập kinh tế trước những cạnh tranh gay gắt trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong xây dựng quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp với các doanh nghiệp lớn và các quỹ đầu tư mạo hiểm, tạo động lực cho cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp trên cơ sở các cam kết của Chính phủ về việc minh bạch hóa, công bằng hóa thông tin về sự phát triển kinh tế của các doanh nghiệp này.

*Hai là,* nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về tăng cường hỗ trợ chính sách tài chính. Đây là nhóm biện pháp thiết thực nhằm giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp vượt qua khó khăn lớn ban đầu là thiếu nguồn vốn. Nếu muốn tập trung phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp để làm đòn bẩy kinh tế, Chính phủ cần tham gia đầu tư trực tiếp để kích thích tăng trưởng về số lượng và chất lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là giai đoạn đầu. Đồng thời, qua đó thu hút khối tư nhân đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp. Việc làm này sẽ thu hút không chỉ doanh nghiệp khởi nghiệp và nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước.

*Ba là,* nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về tăng cường đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ kinh doanh, cần có các giải pháp cụ thể nhằm giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp vượt qua được các khó khăn ban đầu về kinh doanh do thiếu các kiến thức cần thiết về kinh tế, quảng bá và kết nối mạng lưới. Ở một góc độ nhất định, các biện pháp này cũng góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp vượt qua các khó khăn về vốn thông qua việc giảm bớt các chi phí về quản lý, thuê dịch vụ.

*Bốn là,* nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hỗ trợ tạo dựng cơ sở hạ tầng. Chính sách hợp lý khi xây dựng khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các bộ, ngành, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp, trong đó hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa và áp dụng mức phí ưu đãi trong khai thác cơ sở hạ tầng như diện tích, không gian sẵn có tại các địa điểm. Điều này nhằm thuận lợi cho cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ưu tiên khu vực gần các trường đại học, tổ chức kinh tế, tài chính; hỗ trợ kinh phí lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ internet miễn phí trong khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

*Năm là,* nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về tăng cường truyền thông tạo động lực, cảm hứng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua các hoạt động mang tính chất truyền thông rộng rãi, qua đó tạo cảm hứng, thúc đẩy tinh thần sáng tạo khởi nghiệp, xây dựng nhận thức, văn hóa tích cực của xã hội đối với doanh nghiệp khởi nghiệp, lựa chọn các startup mục tiêu để tập trung hỗ trợ hiệu quả.

*Sáu là,* nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục đào tạo cho các doanh nghiệp khởi nghiệp qua đào tạo các kỹ năng mà các doanh nghiệp khởi nghiệp thường bị hạn chế. Qua đó, thúc đẩy và tạo thuận lợi cho việc khởi nghiệp sáng tạo nhằm mục tiêu tạo dựng tinh thần khởi nghiệp - đổi mới - sáng tạo trong trường học.Các trường đại học cần có nhiều chương trình học và làm thiết thực, cung cấp kiến thức và truyền cảm hứng làm chủ sự nghiệp, làm chủ bản thân cho sinh viên. Phát triển khởi nghiệp trong trường đại học, cần tạo diễn đàn chung cho sinh viên các ngành khác nhau đến giao lưu, gặp gỡ, trao đổi ý tưởng. Vai trò cốt lõi của đại học là tạo ra hạt giống và ươm tạo các ý tưởng khởi nghiệp.

***Tóm lại:*** Doanh nghiệp khởi nghiệp là đại diện cho mô hình kinh doanh mới, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng năng suất trong xã hội dựa trên tri thức và công nghệ. Đó là hình thức phù hợp nhất để thực hiện các phát minh, sáng kiến và đó là cơ chế tốt nhất để thương mại hóa các công nghệ mới, đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới và sự phát triển của nền kinh tế tri thức, sáng tạo.

Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp được các quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm đặc biệt nhằm xây dựng hành lang pháp lý đủ mạnh và đủ sức hỗ trợ để doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng và hệ sinh thái khởi nghiệp nói chung trở thành nền tảng của nền kinh tế, động lực thúc đẩy tăng trưởng, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và khẳng định vị thế của mỗi quốc gia trên bản đồ thế giới.

Để xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ cao, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cần nâng cao cơ sở hạ tầng trực tuyến và trực tiếp như tạo ra các cơ chế để tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng nền tảng cho việc tìm kiếm đối tác, nền tảng giao kết và các sự kiện, xây dựng cổng thông tin thực tế, rõ ràng trong việc tiếp cận và minh bạch thông tin. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng cơ sở dữ liệu của bên yêu cầu, tạo lập các vườn ươm doanh nghiệp có chất lượng, đầu tư các khu công nghệ cao, không gian công cộng cho mạng lưới liên kết và làm việc nhóm; cần tăng cường trao đổi kiến thức và chia sẻ bằng cách tăng cường hợp tác giữa các tổ chức giáo dục và khởi nghiệp, viện nghiên cứu và khu công nghiệp, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong môi trường kinh doanh, chia sẻ và hợp tác với các doanh nghiệp khởi nghiệp nước ngoài.

Khi nền kinh tế hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới và trong nước, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần phải đương đầu với sự cạnh tranh quyết liệt từ các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước. Do vậy, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần được hỗ trợ tích cực hơn nữa từ chính quyền các cấp trong tỉnh, đặc biệt trong việc giảm thiểu rủi ro, tạo môi trường kinh doanh thực sự mở, bình đẳng, thuận lợi, rõ ràng, minh bạch, tạo động lực cho sự phát triển, sáng tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh trong thời gian tới.

UBND tỉnh, chỉ đạo cơ quan chuyên môn và cơ quan có thẩm quyền tại địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

**7. Một số nội dung liên quan**

**Câu hỏi 1:Doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo có nên được trợ giúp pháp lý hay không, vì sao?**

**Trả lời:** Chủ trương của Đảng và Chính phủ luôn kêu gọi người dân “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, vậy doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo cũng cần phải tuân thủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Pháp lý luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình khởi nghiệp của bất kỳ doanh nghiệp nào. Một doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro nếu không có nền tảng pháp lý vững chắc, theo đó, nhu cầu được trợ giúp pháp lý trong quá trình khởi nghiệp, sáng tạo là nhu cầu hết sức cần thiết nhằm định hướng, nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên nền tảng pháp lý ổn định, bền vững và lâu dài.

Ngoài trách nhiệm của doanh nghiệp là phải chủ động tìm hiểu pháp luật, thuê Luật sư hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức đại diện để thực hiện hỗ trợ pháp lý, thì đây cũng là trách nhiệm của các Bộ, UBND tỉnh và các tổ chức đại diện của doanh nghiệp đã được quy định rõ trong các văn bản:

- Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với mục tiêu xác định rõ cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, được thực hiện bằng các hình thức phù hợp, biện pháp và nội dung hỗ trợ pháp lý mà các cơ quan nhà nước phải thực hiện để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Ðề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" đã có nội dung rõ ràng về pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo liên quan tới sử dụng kinh phí của Nhà nước.  Mục tiêu của đề án là đến năm 2020 hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

**- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa** số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 tạo thêm cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Luật được thiết kế theo hướng các hỗ trợ trọng tâm chỉ tập trung cho 3 đối tượng doanh nghiệp, gồm Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

**Câu hỏi 2: Khi doanh nghiệp gặp biến cố do thiên tai, bão lũ hay sự cố dịch covid-19 như thời gian qua thì cần hỗ trợ, cứu giúp doanh nghiệp những vấn đề gì?**

**Trả lời:** Khi có biến cố lớn, doanh nghiệp dễ bị phá sản hoặc lâm nợ, do đó chủ trương chung của Đảng và Chính phủ là luôn có giải pháp trợ giúp, cứu trợ, đây là việc làm vừa mang tính nhân văn vừa mang tinh thần trách nhiệm của của Đảng, Nhà nước đối với doanh nghiệp, tạo nền tảng niềm tin, khuyến khích doanh nghiệp tồn tại và phát triển.

Khi có biến cố xẩy ra, giải pháp cơ bản là chính sách tài khóa, tiền tệ như giảm thuế, giảm các khoản tiền ra của doanh nghiệp, được tạm dừng đóng BHXH, được lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn; được xem xét miễn, giảm lãi suất ngân hàng, được vay vốn với lãi suất 0% tại Ngân hàng chính sách xã hội nhằm giúp các doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tạo dựng thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo…

**Câu hỏi 3: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo muốn tồn tại, phát triển cần tuân thủ những vấn đề gì?**

**Trả lời:** Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì ngoài yếu tố con người, năng lực tài chính, doanh nghiệp cần phải nắm bắt đầy đủ thông tin pháp lý có liên quan, đồng thời phải tuân thủ, chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình vận hành hoạt động; luôn mang định hướng khởi nghiệp, sáng tạo, khai thác tài sản, trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới có khả năng trưởng thành, có hình thức hợp lý trong thu hút đầu tư, góp vốn tư nhân; lựa chọn lĩnh vực đầu tư khởi nghiệp, sáng tạo hợp lý có cơ sở bền vững; có trình độ cao trong quản lý sử dụng sử dụng nguồn vốn nhà nước, vốn tư nhân trong đầu tư, sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường….

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN,**

**THỦ TỤC HỖ TRỢ CHO DOANH NGHIỆP GẶP KHÓ KHĂN**

**DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID - 19**

**Luật gia: Hoàng Hữu Nghị**

**Chi hội Luật gia Cục Thuế tỉnh Quảng Bình**

**A. PHẦN MỞ ĐẦU:**

Dịch Covid-19 đã và đang diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến hầu hết các lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ngay từ đầu năm đến những tháng quý 2/2020. Nhiều ngành sản xuất kinh doanh trên địa bàn bị ảnh hưởng nặng nề. Theo đánh giá của Bộ Tài chính có đến 98% doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn này Chính phủ đã kịp thời ban hành một số chính sách nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực thuế, ngày 08/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất. Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo đó, từ ngày 08/4/2020, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được gia hạn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo an toàn trật tự xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid.

**B. NỘI DUNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ THUẾ**

**I. Nghị định 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất.**

**1. Về đối tượng áp dụng:**

Nghị định quy định 5 nhóm đối tượng được áp dụng gồm:

1.1 Nhóm đối tượng thứ nhất: Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

a. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản;

b. Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

c. Các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất xây dựng.

1.2. Nhóm đối tượng thứ hai: Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

a. Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;

b. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

c. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim.

1.3. Nhóm đối tượng thứ ba: Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

*(Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được xác định theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015, của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Sản phẩm cơ khí trọng điểm được xác định theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035).*

1.4. Nhóm đối tượng thứ tư: Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.5. Nhóm đối tượng thứ năm: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm công bố danh sách tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hỗ trợ khách hàng để cơ quan quản lý thuế thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo nghị định này.

**2. Về thời gian được gia hạn:**

**- Về gia hạn nộp thuế GTGT**

Nghị định nêu rõ việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng **(trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu)**. Cụ thể, gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6/2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2/2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu trên. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng** | **Kỳ tính thuế được gia hạn** | **Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế** | **Thời hạn nộp thuế** |
| 1 | Kê khai theo tháng | Tháng 3/2020 | 20/4/2020 | 20/9/2020 |
| Tháng 4/2020 | 20/5/2020 | 20/10/2020 |
| Tháng 5/2020 | 20/6/2020 | 20/11/2020 |
| Tháng 6/2020 | 20/7/2020 | 20/12/2020 |
| 2 | Kê khai theo quý | Quý 1/2020 | 30/4/2020 | 30/9/2020 |
| Quý 2/2020 | 30/7/2020 | 30/12/2020 |

***Lưu ý:***

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế giá trị gia tăng phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

**- Công văn số 5977/BTC-TCT ngày 20/5/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất:**

*+ Doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP được gia hạn số thuế GTGT phải nộp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP bao gồm số thuế GTGT tại trụ sở chính và số thuế GTGT phải nộp tại địa phương nơi có hoạt động kinh doanh xây dựng vãng lai ngoại tỉnh, xây dựng công trình liên tỉnh.*

*+ Kho bạc nhà nước chưa thực hiện khấu trừ thuế GTGT (trong thời gian gia hạn) trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA thuộc diện chịu thuế GTGT đối với trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.*

**- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Việc gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

**- Công văn số 5977/BTC-TCT ngày 20/5/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất:**

*Số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 được gia hạn không bao gồm số thuế TNDN tạm nộp theo quý quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ và Điều 17 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 tối đa bằng 20% tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán.*

*Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế TNDN năm 2019 và ban hành kết luận trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn nộp thuế thì tổng số thuế được gia hạn (theo hồ sơ quyết toán doanh nghiệp tự khai và phần tăng thêm qua thanh tra kiểm tra) được xác định theo nguyên tắc nêu trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra.* ***Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm 2019.***

*Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 chậm nhất vào ngày 31/12/2020.*

**- Đối với tiền thuê đất:**

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày 31/5/2020.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của Nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này thì doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này.

**3. Về trình tự, thủ tục gia hạn và trách nhiệm của người nộp thuế:**

**3.1. Trình tự thực hiện:**

**- Doanh nghiệp tự xác định đối tượng được gia hạn:**

**+ Xác định ngành nghề:**

Lĩnh vực ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành: Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

*Danh mục ngành kinh tế nêu tại khoản 1.1 và khoản 1.2 Điểm 1 được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.*

**+ Xác định quy mô doanh nghiệp:**

Tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

*“Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.*

*1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.*

*Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.*

*2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.*

*Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.”*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **LĨNH VỰC** | **DN SIÊU NHỎ** | | | **DN NHỎ** | | |
| **Lao**  **động** | **Doanh thu** | **Nguồn vốn** | **Lao**  **động** | **Doanh thu** | **Nguồn vốn** |
| **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản** | Từ 10 lao động  trở xuống | Từ 3 tỷ trở xuống | Từ 3 tỷ trở xuống | Trên 10 đến 100 lao động | Trên 3 đến  50 tỷ | Trên 3 đến  20 tỷ |
| **Công nghiệp, xây dựng** | Từ 10 lao động  trở xuống | Từ 3 tỷ trở xuống | Từ 3 tỷ trở xuống | Trên 10 đến 100 lao động | Trên 3 đến  50 tỷ | Trên 3 đến  20 tỷ |
| **Thương mại, dịch vụ** | Từ 10 lao động  trở xuống | Từ 10 tỷ trở xuống | Từ 3 tỷ trở xuống | Trên 10 đến 50 lao động | Trên 3 đến 100 tỷ | Trên 3 đến  50 tỷ |

***Tiêu chí lao động trong cách phân loại này là số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của doanh nghiệp***

*- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.*

*- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.*

*- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.*

***Tiêu chí doanh thu là tổng doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định như sau:***

*- Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.*

*- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

***Tiêu chí nguồn vốn là tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định như sau:***

*- Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.*

*- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.*

**3.2. Lập và gửi giấy đề nghị gia hạn:**

- Lập giấy đề nghị gia hạn theo mẫu tại Nghị định 41/2020/NĐ-CP

- Gửi Giấy đề nghị gia hạn: Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định, người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) theo mẫu cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- Lập và gửi trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế (thuedientu.gdt.gov.vn).

- Lập và gửi trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn).

Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30/7/2020, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Tại trang thông tin điện tử của Cục Thuế Quảng Bình: **quangbinh.gdt.gov.vn** Cục Thuế đã có hướng dẫn khai, nộp, tra cứu điện tử Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định 41/2020/NĐ-CP trên hệ thống dịch vụ thuế điện tử Etax (thuedientu.gdt.gov.vn).

**II. Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ**

Ngày 29/5/2020 Chính phủ ban hành tiếp Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo an toàn trật tự xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid.

Trong đó bổ sung thêm một số chính sách miễn giảm, gia hạn về thuế cho người nộp thuế. Cụ thể trong năm 2020 sẽ ban hành và đề xuất Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội ban hành các chính sách sau:

**Các chính sách thuộc thẩm quyền Chính phủ ban hành gồm:**

- Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước.

- Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước đối với các khoản phải nộp phát sinh từ tháng 3 năm 2020; thời gian gia hạn không muộn hơn thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nghiên cứu sửa đổi quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt để hỗ trợ phát triển sản xuất trong nước.

- Cho phép các khoản đóng góp, ủng hộ trong các hoạt động chống dịch Covid-19 là khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Các chính sách chính phủ đề xuất Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội ban hành gồm:**

- Quy định mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay bằng 70% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với doanh nghiệp khai thác nước để sản xuất, kinh doanh trong năm 2020.

- Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ để hỗ trợ trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

**C. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ**

**Câu hỏi 1:** Công ty chúng tôi là đơn vị kinh doanh thương mại chủ yếu là vật liệu xây dựng. Ngoài ngành nghề chính chúng tôi còn kinh doanh cho thuê mặt bằng, kinh doanh nhà hàng ăn uống và trung tâm tổ chức sự kiện và tiệc cưới như vậy theo Nghị định 41 Công ty có thuộc đối tượng được giãn nộp thuế hay ko?

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 2 và Khoản 5 Điều 3 Nghị định 41/2020/NĐ-CP thì: Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinhdoanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu trong năm 2019 hoặc năm 2020 của ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này.

Căn cứ Danh mục ngành kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg thì hoạt động cho thuê mặt bằng của Doanh nghiệp thuộc nhóm ngành 68 – HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN và hoạt động kinh doanh nhà hàng ăn uống, trung tâm tổ chức sự kiện, tiệc cưới của DN thuộc nhóm ngành L: DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG.

Cả 2 nhóm ngành này đều thuộc đối tượng gia hạn theo quy định tại tại Điều 2 Nghị định 41/2020/NĐ-CP.

Như vậy, nếu trong các ngành nghề kinh doanh của Công ty, Công ty có hoạt động cho thuê mặt bằng, kinh doanh nhà hàng ăn uống, cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện, tiệc cưới và phát sinh doanh thu từ các hoạt động này trong năm 2019 hoặc 2020 thì thuộc đối tượng được gia hạn nộp tiền thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ.

**Câu hỏi 2:** Trong năm 2019 Công ty có nhiều hoạt động kinh doanh gồm: kinh doanh sắt thép (thuộc ngành nghề không được gia hạn) và sản xuất gạch tuynen (thuộc ngành nghề được gia hạn). Vậy Công ty có được gia hạn cho tất cả các ngành nghề kinh doanh hay không?

**Trả lời:** Căn cứ Danh mục ngành kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg thì hoạt động sản xuất gạch tuynen thuộc phân cấp 4 của nhóm ngành kinh tế 23 - SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KHOÁNG PHI KIM LOẠI KHÁC.

Căn cứ Điều 2 Nghị định 41/2020/NĐ-CP, nhóm ngành nghề này thuộc ngành nghề, lĩnh vực được gia hạn theo NĐ 41.

Như vậy, theo trình bày, doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh gồm kinh doanh sắt thép (thuộc ngành nghề không được gia hạn) và sản xuất gạch tuynen (ngành nghề được gia hạn) thì nếu trong năm 2019 hoặc năm 2020 doanh nghiệp phát sinh doanh thu đối với ngành sản xuất gạch tuynen (ngành nghề được gia hạn) thì doanh nghiệp được gia hạn toàn bộ số thuế phát sinh trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 3 Nghị định 41.

**Câu hỏi 3:** Theo Nghị định 41/2020/NĐ-CP về việc Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất thì Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng trong đó có:

“2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;

….”

Vậy, đơn vị chúng tôi là doanh nghiệp chuyên kinh doanh phân phối các sản phẩm về “Thuốc tân dược và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thiết bị y tế”, thì có thuộc diện được Gia hạn nộp thuế theo nghị định 41 trên hay không?

**Trả lời**: Theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg thì nhóm ngành Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội thuộc nhóm mã ngành Q; còn hoạt động bán thuốc tân dược, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thiết bị y tế thuộc nhóm ngành G - BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC (trong đó có ngành cấp 5 46942 – bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế).

Căn cứ Điều 2 Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 thì BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ không thuộc đối tượng áp dụng gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

Như vậy, theo trình bày, doanh nghiệp chuyên kinh doanh phân phối các sản phẩm về “Thuốc tân dược và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thiết bị y tế” thì ngành kinh tế này không thuộc nhóm ngành kinh tế được gia hạn theo quy định tại Nghị định 41/2020/NĐ-CP.

**Câu hỏi 4:** Đơn vị thuộc đối tượng được gia hạn; nộp Tờ khai GTGT theo tháng. Tờ khai tháng 3,4/2020 NNT có phát sinh số thuế phải nộp. Tuy nhiên, đến Tờ khai tháng 5/2020 NNT mới nộp giấy đề nghị gia hạn. Vậy trường hợp này, NNT có bị tính chậm nộp đối với số thuế phát sinh trên Tờ khai tháng 3,4/2020 không

**Trả lời:** Căn cứ Khoản 4 Điều 4 Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ thì “Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn (bao gồm cả trường hợp Giấy đề nghị gia hạn gửi cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020.”

- Trường hợp Công ty thuộc trường hợp được gia hạn theo quy định tại NĐ41, Công ty nộp giấy đề nghị gia hạn vào tháng 5/2020, sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế GTGT tháng 3,4/2020 thì căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế GTGT phát sinh trên tờ khai thuế kỳ tháng 3, 4/2020.

**Câu hỏi 5:** Doanh nghiệp có hoạt động xây dựng vãng lai ngoại tỉnh, nộp thuế GTGT 2% tờ khai mẫu 05/GTGT thì Giấy đề nghị gia hạn có phải nộp ở CQT nơi có hoạt động XD ngoại tỉnh không? Hay chỉ nộp một lần ở CQT quản lý trực tiếp Công ty.

**Trả lời:** Đối với các doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP được gia hạn số thuế GTGT phải nộp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP bao gồm số thuế GTGT tại trụ sở chính và số thuế GTGT phải nộp tại địa phương nơi có hoạt động kinh doanh xây dựng vãng lai ngoại tỉnh, xây dựng công trình liên tỉnh.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 41/2020/NĐ-CP thì DN chỉ cần gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn.

**Câu hỏi 6:** Doanh nghiệp phát sinh 1 tỷ tiền thuế TNDN năm 2019, trong năm đã tạm nộp là 500tr, số còn phải nộp là 500tr. Vậy sau khi đơn vị nộp giấy đề nghị gia hạn thì số còn phải nộp là 500tr hay là 200tr?

**Trả lời:** Số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm 2019 là 1 tỷ. Theo quy định, Công ty được gia hạn tối đa 200 triệu (20% của 1 tỷ). Trong năm, Công ty mới tạm nộp 500tr, sau khi nộp giấy đề nghị gia hạn thì Công ty bị tính tiền chậm nộp đối với khoản chênh lệch quá 20% là 300 triệu./.

**TÌM HIỂU VỀ ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025” VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ TỪ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Luật gia:** **Nguyễn Văn Nhượng**

**Nguyên Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Bình**

Phát biểu tại Diễn đàn Thanh niên khởi nghiệp, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: “Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển của mỗi một quốc gia, và điều này đã được xác nhận tại Việt Nam”. Theo đó, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo là một trong các giải pháp để thực hiện đột phá chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng ban hành các chủ trương, chính sách và pháp luật hỗ trợ hoạt động cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp về cả số lượng, quy mô và chất lượng, đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp.

*Kính thưa Hội nghị!*

Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa”. Tại các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc các thời kỳ, chủ trương của Đảng là thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân vững chắc, phù hợp với trình độ sản xuất. Thực hiện chủ trương của Đảng và nhận thức được tầm quan trọng của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo.

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” được ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016, với mục tiêu tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; hỗ trợ được 800 dự án, 200 doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó 50 doanh nghiệp gọi được vốn thành công từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 1.000 tỷ đồng. Đến năm 2025: Hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ phát triển 600 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 100 doanh nghiệp tham gia Đề án gọi được vốn đầu tư từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng. Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đây là văn bản chính sách đầu tiên, bao quát và là nền tảng về chính sách hỗ trợ đối với hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam.

Theo Đề án, các hoạt động cần triển khai như: Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong đó hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa và áp dụng mức phí ưu đãi trong khai thác cơ sở hạ tầng, hỗ trợ kinh phí lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ Internet miễn phí trong Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thu hút tư nhân đầu tư sửa chữa, trả phí khai thác cơ sở hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cần thiết; kết nối đầu tư, khách hàng; cung cấp nguồn nhân lực, không gian làm việc, thiết bị dùng chung cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ hằng năm để tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia (TECHFEST) với quy mô quốc tế. Tiếp tục triển khai Đề án Thương mại hóa công nghệ với quy mô dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2020. Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam; kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới; kết nối và hỗ trợ một phần kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài. Giới thiệu đối tác, nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục nhà đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước thông qua các đại diện khoa học và công nghệ, đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài tiếp cận thị trường nước ngoài. Khuyến khích sử dụng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của doanh nghiệp để tài trợ, hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Để thực hiện Đề án, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2019) quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”. Đối tượng hỗ trợ là cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí như: Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện theo nguyên tắc: Việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 844 căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ được phê duyệt theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Thông tư 45/2019/TT-BTC. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Thông tư cũng đã quy định rõ về nguyên tắc huy động các nguồn tài chính; Nội dung và mức chi để tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thông tư cũng đã quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Nội dung và mức chi đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp và chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thông tư cũng đã quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 844 quy định tại Thông tư là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án 844 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Đề án 844 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các nội dung và mức chi đảm bảo phù hợp.

*Kính thưa Hội nghị!*

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, trong những năm qua, tỉnh Quảng Bình với chủ trương cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; áp dụng linh hoạt các hình thức thu hút đầu tư, với các giải pháp mang tính chiến lược như đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn sớm tiếp cận với các tài liệu pháp lý, thủ tục hành chính, các chính sách, chương trình hỗ trợ của nhà nước và các vấn đề pháp lý có liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các nghị quyết, quyết định về hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo nói riêng như: Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 về việc ban hành quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 ban hành quy định trình tự, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính đối với dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 ban hành quy định thủ tục thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số [19/2017/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=19/2017/NQ-H%C4%90ND&match=True&area=2&lan=1&bday=18/7/2017&eday=18/7/2017) ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ban hành Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách đặc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình quy định các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/doanh nghiệp bao gồm: Lệ phí đăng ký doanh nghiệp; phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; phí khắc dấu doanh nghiệp; kinh phí làm biển hiệu. Theo đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo thực hiện chính sách ưu đãi nêu trên, UBND tỉnh đã quy định cụ thể các thủ tục thực hiện tại Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017.

Ngoài ra, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo còn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết 58/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND như: Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò thịt; đầu tư cơ sở chế biến nông sản; đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết;  hạ tầng phục vụ liên kết; khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; Giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm; Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi nếu doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ tại 02 Nghị quyết này.

Với quan điểm luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh, phát triển, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4319/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2025. Trong đó, với mục tiêu tạo lập một môi trường để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, các nội dung được chú trọng thực hiện như: Công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đầu tư xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kết nối hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với Hội thi sáng tạo kỹ thuật; chính sách hỗ trợ các cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 818/KH-UBND ngày 31/5/2016 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với mục đích góp phần tạo chuyển biến về nhận thức pháp lý, ý thức tìm hiểu, tuân thủ pháp luật, chủ động phòng, chống rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh có hiệu quả.

*Kính thưa Hội nghị!*

Hiện nay, theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn 2016 - 2019, mỗi năm Việt Nam có trên 126.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng gấp 1,6 lần so với giai đoạn 2011- 2015. Việt Nam hiện có khoảng trên 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp. Đối với tỉnh Quảng Bình, tính đến hết tháng 3/2020, toàn tỉnh Quảng Bình có 6.470 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong đó, có một số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo. Các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Bình chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ. Do đó, để góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật đối với doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, tôi xin nêu một số giải pháp như sau:

*Thứ nhất,* tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc ban hành cơ chế, chính sách về doanh nghiệp của địa phương đảm bảo toàn diện, có tầm nhìn, phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực tiễn ở địa phương. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng ttaoj đồng bộ, thống nhất, khả thi, tạo lập một môi trường pháp lý ở địa phương công khai, minh bạch.

*Thứ hai,* kết hợp chặt chẽ, đồng bộ việc xây dựng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với việc tổ chức thực hiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật. Đáp ứng các nguồn lực để thực hiện các chính sách hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

*Thứ ba,* đơn giản hóa và công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia ý kiến góp ý xây dựng pháp luật. Tôn trọng, tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các doanh nghiệp đối với dự thảo văn bản QPPL. Sử dụng có hiệu quả các kênh thông tin đảm bảo cho việc đăng tải, tiếp nhận, trao đổi, xử lý, phản hồi ý kiến của doanh nghiệp về các vấn đề liên quan đến pháp luật.

*Thứ tư,* thường xuyên tư vấn, giải đáp pháp luật, giúp cho doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp như: Tư vấn trực tiếp, giải đáp bằng văn bản, thông qua mạng điện tử, thông qua các hình thức khác khi doanh nghiệp có yêu cầu nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật hơn nữa cho đội ngũ cán bộ doanh nghiệp; chú trọng tổ chức các diễn đàn, toạ đàm để tạo cơ hội giao lưu giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, các luật sư, luật gia để giúp doanh nghiệp nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng áp dụng và tháo gỡ các khó khăn; tiếp tục huy động các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền pháp luật kinh doanh, tăng cường năng lực tiếp cận thông tin chính sách pháp luật cho doanh nghiệp; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp nắm vững các quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết các vùng, cũng như các cơ chế chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và giúp cho các doanh nghiệp đầu tư đúng hướng, có hiệu quả, tránh đầu tư sai lệch và giảm rủi ro trong đầu tư, kinh doanh.

Để các giải pháp nêu trên được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, tôi xin đề nghị một số nội dung sau:

- *Đề nghị Chính phủ* tăng cường chỉ đạo các Bộ/ngành chức năng thường xuyên, kịp thời rà soát, hệ thống hóa, công bố các văn bản hết hiệu lực; rà soát các nội dung không phù hợp, còn khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản của Trung ương; rà soát, kiểm tra tổng thể văn bản QPPL của các ngành, địa phương trong việc quy định các nội dung liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tại nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật đảm bảo thuận tiện cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện pháp luật.

- *Đề nghị HĐND, UBND* tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL nhằm thể chế hóa nghị quyết của Đảng và các văn bản pháp luật cấp trên về hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Thường xuyên rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản QPPL của địa phương không còn phù hợp với văn bản cấp trên và thực tiễn của địa phương về các chính sách hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.

Tổ chức sơ kết Đề án, bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động của Đề án theo kế hoạch hằng năm và 5 năm; tăng cường liên kết với các đơn vị tư nhân để triển khai các hoạt động hỗ trợ, đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- *Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc* và các tổ chức thành viên của Mặt trận; Hội Doanh nghiệp tỉnh nâng cao hơn nữa vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là trong việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, hoạch định chính sách, góp ý xây dựng pháp luật đặc biệt là pháp luật doanh nghiệp ở địa phương.

- *Đề nghị Hội Doanh nghiệp* tiếp tục phối hợp với Hội Luật gia trong việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật nói chung và Đề án nói riêng cho doanh nhân, doanh nghiệp, cho Hội viên Hội Luật gia và cho các đối tượng có liên quan; kịp thời nắm bắt, tổng hợp và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, doanh nhân.

- *Đề nghị Hội Luật gia* và Hội viên Hội Luật gia phát huy hơn nữa vị trí, vai trò trong hoạt động tuyên truyền, PBGDPL, xây dựng pháp luật, tư vấn pháp luật, CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

***- Một số nội dung tham khảo***

**Câu Hỏi 1**: **Đối tượng nào được “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” theo Quyết định số: 884/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ?**

**Trả lời:** 1. Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

b) Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;

c) Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

**Câu hỏi 2:** **Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như thế nào?**

# Trả lời: Theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 45/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính thì nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, gồm:

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế.

2. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ kinh phí cho DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp.

Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/DN.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 DN/năm.

- Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, gồm:

Đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế;...

Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/DN.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Số lượng DN được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 DN/năm.

- Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí để DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài (tối đa không quá 02 người/DN được cử đi tham gia các khóa huấn luyện):

Bộ KH&CN chủ trì thông báo xét chọn, tuyển chọn các DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện, quyết định các nội dung, mức chi và tổng mức kinh phí hỗ trợ cụ thể cho từng DN, đảm bảo đúng quy địNh.

Số lượng DN được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 DN/năm.

Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế.

**Câu hỏi 3:** **“Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được quy định ở đâu, đối tượng nào được hỗ trợ?**

**Trả lời:** Đểđồng hành cùng doanh nghiệp, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh, phát triển, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2025.

1. Về mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Hỗ trợ phát triển 50 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

- Hỗ trợ phát triển 20 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Đối tượng được hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy ĐKKD lần đầu.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, hoạt động hiệu quả, đáp ứng tiêu chí:

+ Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

+ Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khỏi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

+ Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đối mới sáng tạo tại Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**NHẬN DIỆN VÀ PHÒNG TRÁNH CÁC RỦI RO**

**TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

**THÔNG QUA VIỆC XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN KINH TẾ**

***Chi hội Luật gia TAND Tỉnh Quảng Bình***

Hợp đồng kinh tế là cầu nối giữa các Thương nhân- chủ thể kinh doanh với nhau trên thương trường và là hoạt động phát sinh mang tính thường xuyên của thương nhân. Có thể nói trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình, hầu như không có chủ thể kinh doanh nào không ký kết hợp đồng kinh tế (hay còn gọi hợp đồng thương mại). Nên hợp đồng kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự tồn tại, phát triển của Doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước ta càng ngày càng phát triển mạnh, đa dạng, không những trong nước mà còn có tính quốc tế, nhiều mối quan hệ đan xen, nhiều quy định pháp luật mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung... trong khi đó việc am hiểu pháp luật, kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế của không ít chủ thể kinh doanh còn nhiều hạn chế... Qua theo dõi thực tế và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy một số tồn tại phổ biến của hợp đồng kinh tế hiện nay như sau: Nội dung còn nghèo nàn, thiếu những điều khoản cơ bản, tư cách của chủ thể ký kết hợp đồng chưa bảo đảm, một số thỏa thuận trái pháp luật ... đã gây ra không ít trường hợp bị thiệt hại cả hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỷ đồng hoặc những hậu quả khác không thể lường hết được đối với doanh nghiệp.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng của hợp đồng kinh tế, khắc phục những sơ hở, thiếu sót của hợp đồng, hạn chế tranh chấp xảy ra, chúng tôi xin được phân tích những sai sót thường gặp để tư vấn thêm cho các Doanh nghiệp khi ký kết Hợp đồng kinh tế như sau:

**1. Xác định không đúng căn cứ pháp luật áp dụng để ký kết hợp đồng kinh tế:**

Một số hợp đồng kinh tế hiện nay vẫn còn áp dụng Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế số 24-LCT/HDDNN8 do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 25. 9. 1989 là căn cứ ký kết hợp đồng như là một thói quen. Việc áp dụng Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế này là không đúng và quá lạc hậu, vì văn bản này đã hết hiệu lực theo Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11 ngày 14. 6. 2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự năm 2005, hiện nay đã áp dụng BLDS năm 2015.

Hậu quả: Dễ dẫn đến việc áp dụng sai căn cứ pháp luật cụ thể đối với từng điều khoản của loại hợp đồng cụ thể và dẫn đến việc hợp đồng bị tuyên vô hiệu hoặc không được pháp luật bảo vệ.

Các căn cứ ký kết Hợp đồng kinh tế hiện nay là Bộ luật Dân sự năm 2015 (luật cơ bản, luật khung về hợp đồng nói chung), Luật thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Ngoài ra tùy từng lĩnh vực có thể áp dụng thêm văn bản Luật chuyên ngành, ví dụ trong lĩnh vực xây dựng áp dụng Luật Xây dựng năm 2014, Trong lĩnh vực hợp tác kinh doanh cần áp dụng thêm Luật Đầu tư năm 2014... hoặc những văn bản quy phạm pháp luật của địa phương ban hành.

**2. Xác định tên của loại hợp đồng kinh tế cụ thể:**

Nhiều trường hợp, hợp đồng kinh tế chỉ thể hiện tên gọi chung chung cũng là tên "hợp đồng kinh tế". Cách thể hiện như vậy là chưa cụ thể, khó phân loại hợp đồng cụ thể, khó xác định những điều khoản cơ bản hợp đồng và những chế định pháp luật điều chỉnh loại hợp đồng này. Giải pháp cho vấn đề này là tùy từng đặc điểm của mỗi giao dịch để xác định là loại hợp đồng gì, ví dụ trong quan hệ mua bán hàng hóa thì cần ghi là "hợp đồng mua bán hàng hóa", trong quan hệ hợp tác đầu tư thì cần xác định cụ thể là "hợp đồng hợp tác đầu tư"...

Thông thường để xác định loại hợp đồng cần bám vào các Luật chuyên ngành để định, ví dụ: đối với hành vi thương mại cần bám vào Luật Thương mại, đối với lĩnh vực xây dựng cần bám vào Luật xây dựng…

Các HỢP ĐỒNG dân sự thông dụng:

Hợp đồng mua bán tài sản thông qua đấu giá; Hợp đồng ủy quyền trong trường hợp pháp luật có quy định; Hợp đồng mua bán, trao đổi, tặng cho tài sản có đăng ký quyền sở hữu; Chuyển quyền sở hữu tàu bay, tàu biển...

Các Hợp đồng bảo đảm:

Gồm dùng một tài sản để đảm bảo nhiều nghĩa vụ; Hợp đồng cầm cố tài sản; Hợp đồng thế chấp tài sản...

Các Hợp đồng thương mại:

Theo luật thương mại 2005: Hợp đồng mua bán hàng hóa; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ; Hợp đồng dịch vụ; Hợp đồng dịch vụ khuyến mại; Hợp đồng đại diện cho thương nhân; Hợp đồng đại lý...

**3. Xác định không đúng người đại diện của đơn vị kinh tế có thẩm quyền ký kết hợp đồng**.

Nhiều chủ thể kinh doanh vẫn cứ nghĩ rằng Giám đốc Công ty là người đại diện đương nhiên theo pháp luật và việc họ ký hợp đồng là bảo đảm đầy đủ tư cách của chủ thể. Hiểu như vậy là quá đơn giản và hậu quả là rất có khả năng hợp đồng bị tuyên vô hiệu hoặc bị lợi dụng để lừa đảo...

Pháp luật (mà cụ thể là Luật Doanh nghiệp năm 2014) đã quy định  trong Doanh nghiệp ngoài Giám đốc (thông thường là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân) còn có thể có những chức vụ khác cũng có là đại diện theo pháp luật cho đơn vị kinh doanh và phụ thuộc vào từng loại hình Doanh nghiệp: Có thể Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với Công ty Cổ phần) hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên (đối với Công ty TNHH) là người đại diện theo pháp luật. Ngược lại trong loại hình Doanh nghiệp tư nhân thì Chủ Doanh nghiệp mới là người đại diện theo pháp luật, chứ không phải là Giám đốc (trường hợp Giám đốc là người làm thuê cho Doanh nghiệp)...do vậy khi tham gia ký kết hợp đồng cần nắm vững Điều lệ kinh doanh của đối tác, ví dụ: có Điều lệ Công ty quy định người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị thì khi ký kết hợp đồng phải là người đó hoặc có văn bản uỷ quyền….

Đối với trường hợp người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền  ký hợp đồng, thì trong hợp đồng phải thể hiện nội dung giấy ủy quyền đó (ví dụ ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số ... ngày... tháng... năm ... của ông Trần Văn X, chức vụ ... là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp Y).

Một số lưu ý:

**Đại diện hợp pháp**

*Đối với pháp nhân* : Là người được bổ nhiệm hoặc được bầu vào chức vụ đứng đầu pháp nhân đó và đương giữ chức vụ đó. Người đứng đầu pháp nhân là đại diện đương nhiên theo pháp luật của pháp nhân.

*Đối với doanh nghiệp tư nhân:*   Là chủ doanh nghiệp tư nhân. Trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân thuê người khác làm giám đốc thì giám đốc là đại diện cho doanh nghiệp theo hợp đồng trách nhiệm giữa chủ doanh nghiệp và người được thuê làm giám đốc và theo quy định của pháp luật.

*Đối với cá nhân có đăng ký kinh doanh*: Là người đứng tên trong giấy phép kinh doanh.

*Đối với những người làm công tác khoa học, kỹ thuật, nghệ nhân*: Là người trực tiếp thực hiện công việc trong hợp đồng. Nếu nhiều người cùng làm thì người ký vào bản hợp đồng phải do những người cùng làm cử bằng văn bản trong đó có tất cả chữ ký của những người đó và phải đính kèm theo hợp đồng kinh tế

*Đối với hộ gia đình nông dân, ngư dân, cá thể*: Là chủ hộ

*Đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam* (không có tư cách pháp nhân) thì đại diện tổ chức đó phải được uỷ quyền bằng văn bản của pháp nhân thành lập ra tổ chức tại Việt Nam.

*Đối với cá nhân nước ngoài ở Việt Nam* : Bản thân họ là người ký kết các hợp đồng kinh tế.

**Đại diện theo uỷ quyền**

Theo quy định của pháp luật nếu người đại diện theo pháp luật không tham gia ký kết hợp đồng được có thể uỷ quyền cho người khác thay mình ký kết hợp đồng.

Việc uỷ quyền có thể là uỷ quyền theo vụ việc hoặc uỷ quyền thường xuyên tuy nhiên phải được thể hiện dưới hình thức bằng văn bản

+ Đối với doanh nghiệp có con dấu riêng thì việc uỷ quyền không phải công chứng hoặc chứng nhận của UBND cấp có thẩm quyền trừ trường hợp đặc biệt pháp luật có quy định hoặc hai bên có thoả thuận khác.

+ Cá nhân có đăng ký kinh doanh văn bản uỷ quyền phải có chứng thực của cơ quan công chứng nhà nước hoặc chứng nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn.

Người được uỷ quyền chỉ được phép hoạt động trong phạm vi được uỷ quyền và không được uỷ quyền lại cho người khác.

**4. Sử dụng biện pháp chế tài "hủy bỏ hợp đồng" không chính xác:**

Trường hợp hợp đồng đã được các bên đưa vào thực hiện, trong quá trình thực hiện, một bên vi phạm nghiêm trọng hợp đồng là căn cứ (theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật) để chấm dứt hợp đồng, thực tế nhiều hợp đồng lại xác định đây là trường hợp áp dụng biện pháp chế tài "Hủy bỏ hợp đồng". Việc xác định biện pháp chế tài này là không đúng, vì "Hủy bỏ hợp đồng" theo Điều 312 Luật Thương mại chỉ áp dụng khi các bên chưa thực hiện hợp đồng và theo đó "hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết"(Điều 314 Luật Thương mại).

Đối với trường hợp nêu trên, phải áp dụng biện pháp chế tài "đình chỉ thực hiện hợp đồng" theo Điều 310 Luật Thương mại và hậu quả pháp lý được áp dụng theo Điều 311 Luật Thương mại.

**5. Một số nội dung của hợp đồng không quy định chặt chẽ:**

Quy định thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán không cụ thể, hoặc không nêu rõ bắt đầu từ thời điểm nào, thời điểm chuyển giao rủi ro, chuyển giao quyền sở hữu, quyền quản lý về tài sản. Không thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng, không thỏa thuận về một số nghĩa vụ thanh toán do bên nào chịu, như chi phí bốc dỡ hàng hóa, lưu kho bãi...

Hậu quả: Dễ nảy sinh tranh chấp, kiện tụng, khiến cho việc kinh doanh không được ổn định.

Khi soạn thảo hợp đồng cần lưu ý về mặt từ ngữ phải rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, đầy đủ, không nêu chung chung, cần trù liệu đầy đủ những tình huống phát sinh, nhất là đối với những hợp đồng có khối lượng lớn, giá trị lớn, đối tượng của hợp đồng đa dạng, hợp đồng ký kết với các đối tác mới, đối tác là người nước ngoài...

**6. Thỏa thuận mức phạt vượt quá quy định đối với loại hợp đồng và một số thỏa thuận phương tiện thanh toán trái pháp luật:**

Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, các bên có quyền thỏa thuận mức phạt nhưng cần lưu ý: đối với hợp đồng thương mại mức phạt tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (Điều 301 Luật Thương mại), còn đối với hợp đồng xây dựng công trình xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước, mức phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm (Điều 110 Luật Xây dựng). Nếu các bên thỏa thuận mức phạt vượt quá các mức nêu trên thì sẽ không có hiệu lực pháp lý phần vượt quá.

Đồng tiền thanh toán trong hợp đồng nên sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam đồng trong hầu hết hợp đồng thương mại trong nước. Không sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền thanh toán (nếu không được phép của cơ quan chức năng). Gần đây nhất theo khoản 4 Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 3. 4. 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì từ ngày 25. 5. 2012 "**vàng**" cũng bị cấm sử dụng làm phương tiện thanh toán. Nếu không tuân thủ quy định về phương tiện thanh toán nêu trên, thì nguy cơ giao dịch bị tuyên bố vô hiệu là có thực.

**7. Thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết không đúng luật**:

Hiện nay, không ít trường hợp các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận không đúng về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của họ, đặc biệt là từ khi Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo đó phần lớn các tranh chấp thông thường về hợp đồng kinh tế (như hợp đồng mua bán tài sản, vay tài sản, hợp đồng xây dựng ... ), dù tranh chấp giá trị hàng chục tỷ đồng trở lên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 BLTTDS đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp quận, huyện nơi có trụ sở của bị đơn (trừ các tranh chấp (nhưng xảy ra không nhiều) như tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, của giao công nghệ, tranh chấp giữa các thành viên Công ty, các tranh chấp kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài). Nhưng theo thói quen các bên thường lựa chọn Tòa án nhân dân cấp tỉnh (hoặc Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh) nơi có trụ sở của bị đơn hoặc nguyên đơn giải quyết là không đúng quy định nêu trên, hoặc nếu thỏa thuận về Tòa án có lợi cho nguyên đơn thì phải thỏa thuận Tòa án cấp quận, huyện nơi nguyên đơn có trụ sở. Riêng tranh chấp về bất động sản thì các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận Tòa án nơi có bất động sản tranh chấp giải quyết...

Hậu quả, nếu không thỏa thuận đúng pháp luật về Tòa án có thẩm quyền giải quyết, thì sẽ căn cứ vào các quy định của pháp luật để xác định đúng Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, lúc đó các bên dễ bị động, lúng túng, việc theo hầu kiện ở nơi xa như Doanh nghiệp ở Hà Nội lại phải hầu kiện ở Tòa án nhân dân một quận nào đó ở thành phố Hồ Chí Minh, Doanh nghiệp trong nước phải hầu kiện ở Tòa án nước ngoài... tốn kém rất nhiều chi phí đi lại, lưu trú, chi phí ngoại giao...

**8. Vi phạm về điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng:**

Có những loại hợp đồng mà BLDS hoặc các Luật chuyên ngành quy định phải thực hiện việc Công chứng hoặc những hợp đồng kèm theo phải Công chứng nhưng các bên không thực hiện, ví dụ: để đảm bảo thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư, các bên có đưa ra điều khoản về thế chấp tài sản là bất động sản nhưng khi ký kết phụ lục hợp đồng hoặc hợp đồng thế chấp tài sản lại không thực hiện việc công chứng.

Hình thức của Hợp đồng bằng văn bản: Là hình thức ngôn ngữ viết được trình bày trên một chất liệu hữu hình nhằm thể hiện một nội dung xác định mà người ta có thể đọc, lưu giữ và bảo đảm được sự toàn vẹn nội dung đó; Các loại Hợp đồng bắt buộc phải được lập bằng văn bản:

Các Hợp đồng bắt buộc phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký hoặc xin phép, theo Bộ Luật dân sự 2015 bao gồm: Hợp đồng hợp tác; Hợp đồng mua bán nhà ở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Hợp đồng tặng cho BĐS hoặc động sản có đăng ký quyền sở hữu; Các Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực tại ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất.

Các Hợp đồng phải đăng ký và xin phép bao gồm: các giao dịch bảo đảm theo quy định của BLDS 2015; Hợp đồng cho thuê nhà, góp vốn, thế chấp và bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp...

Ngoài hình thức văn bản truyền thống, Pháp luật Việt Nam hiện hành cũng thừa nhận một thể thức tương đương văn bản đó là thông điệp dữ liệu theo Bộ Luật dân sự 2015 và Đ15 Luật Thương mại 2005: “trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản”.

Hình thức của Hợp đồng bằng hành vi cụ thể: Hành vi cụ thể là một hình thức thể hiện của Hợp đồng theo nghĩa hẹp, Bởi lẽ, việc tuyên bố ý chý bằng lời nói hay chữ viết, suy cho cùng cũng đều bằng hành vi của con người. Tuy vậy, hình thức Hợp đồng bằng hành vi cụ thể được nói đến trong trường hợp này không phải diễn đạt bằng lời nói hay chữ viết mà chỉ được thể hiện bằng một hành động thuần túy.

Thông thường, hình thức Hợp đồng bằng hành vi cụ thể được sử dụng khi bên thực hiện hành vi giao kết Hợp đồng đã biết rõ nội dung của Hợp đồng và chấp nhận tất cả các điều kiện mà bên kia đưa ra và bên kia không loại trừ việc trả lời bằng hành vi, hoặc đưa ra một yêu cầu rõ ràng về hình thức của sự trả lời chấp nhận.

Việc giao kết, xác lập Hợp đồng là hoàn toàn do ý chí tự nguyện của các bên chủ thể tham gia. Theo qui định của Bộ Luật dân sự 2015, Hợp đồng bị coi là xác lập thiếu yếu tố tự nguyện nếu thuộc 1 trong 5 trường hợp sau:

*Hợp đồng giả tạo:*

Là Hợp đồng lập ra nhưng không phản ánh đúng bản chất quan hệ đích thực giữa các bên, thể hiện ở việc các bên xác lập Hợp đồng để che đậy một giao dịch khác hay một hành vi trái pháp luật của một bên hoặc các bên (nói cách khác đó là sự thể hiện ý chí ra bên ngoài khác với ý chí nội tâm và kết quả thực hiện của các bên tham gia); Xét yếu tố tự nguyện dựa trên sự thống nhất ý chí với sự bày tỏ ý chí ra bên ngoài, thì những giả tạo thuộc trường hợp không có sự thống nhất giữa ý chí bên trong với hành vi xác lập Hợp đồng của chủ thể, nên giả tạo cũng bị coi là thiếu sự tự nguyện.

*Hợp đồng được xác lập do nhầm lẫn:*

Nhần lẫn là trường hợp không có sự thống nhất giữa ý chí với sự bày tỏ ý chí. Theo đó, những gì thể hiện ra bên ngoài dưới dạng cam kết, thỏa thuận không phản ánh đúng những điều mà chủ thể đã biết và mong muốn đạt được khi xác lập Hợp đồng. Bộ Luật dân sự 2015 chỉ xem Hợp đồng bị nhầm lẫn và vô hiệu khi thỏa mãn 3 yêu cầu:

*Có sự nhầm lẫn về nội dung*

Sự nhầm lẫn đó là do hành vi có lỗi (vô ý) của bên kia

Sau khi bên bị nhầm lẫn đã yêu cầu bên kia cho thỏa thuận lại nội dung của Hợp đồng mà không được bên kia chấp nhận

*Hợp đồng xác lập do bị lừa dối:*

Lừa dối là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứa ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó. Theo qui định này thì hành vi bị coi là lừa dối nếu có dấu hiệu:

Cố ý của một bên hoặc của bên thứ ba cung cấp thông tin sai sự thậ Nhưng “một sự khoa trương trong quảng cáo hoặc trong đàm phán Hợp đồng chưa tới mức bị coi là lừa dối”.

*Hợp đồng xác lập bởi sự đe dọa:*

Đe dọa là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện giao dịch nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình.

Chủ thể đe dọa là một bên tham gia Hợp đồng hoặc bên thứ ba có liên quan đến Hợp đồng hoặc được hưởng lợi từ việc xác lập Hợp đồng đó.

Người bị đe dọa là người buộc phải xác lập Hợp đồng trái với nguyện vọng đích thực của mình.

Hành vi đe dọa phải là hành vi trái pháp luật và mục đích đe dọa phải nhằm buộc bên bị đe dọa ký Hợp đồng trái với nguyện vọng của họ.

Xác lập Hợp đồng trong lúc không nhận thức, điều khiển được hành vi:

“Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”.

Trên đây là một số lỗi có tính chất phổ biến khi ký kết hợp đồng kinh tế được rút ra từ thực tiễn công tác giải quyết án kinh doanh thương mại thời gian vừa qua. Xin được nêu ra để góp phần nâng cao chất lượng của các hợp đồng kinh tế, phòng tránh những rủi ro không đáng có trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

***Những điều khoản cần cẩn trọng trong đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại:***

Ngoài những điều khoản quan trọng về giá cả, chất lượng hàng hóa, vận chuyển, thanh toán... thì những điều khoản dưới đây dễ bị các DN hay “chủ quan” nên dễ thua thiệt khi xảy ra tranh chấp.

**- Điều khoản Hiệu lực hợp đồng:**

Nguyên tắc hợp đồng bằng văn bản mặc nhiên có hiệu lực kể từ thời điểm bên sau cùng ký vào hợp đồng, nếu các bên không có thỏa thuận khác. Trừ một số loại hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật (hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển nhượng dự án bất động sản, hợp đồng chuyển giao công nghệ…), các bên cần hết sức lưu ý điều này bởi vì hợp đồng có hiệu lực mới phát sinh trách nhiệm pháp lý, ràng buộc các bên phải thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Liên quan đến hiệu lực thi hành của hợp đồng thương mại thì vấn đề người đại diện ký kết (người ký tên vào bản hợp đồng) cũng cần lưu ý. Người ký phải có thẩm quyền ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền hợp lệ. Thông thường đối với doanh nghiệp thì người đại diện được xác định rõ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư. Cùng với chữ ký của người đại diện còn phải có đóng dấu (pháp nhân) của tổ chức, doanh nghiệp đó.

**- Điều khoản Phạt vi phạm hợp đồng**

Thông thường, với những đối tác (bạn hàng) có mối quan hệ thân thiết, tin cậy lẫn nhau, uy tín của các bên đã được khẳng định trong một thời gian dài thì họ không quy định (thoả thuận) điều khoản này. Còn trong các trường hợp khác thì nên có thoả thuận về phạt vi phạm.

DN cần ghi chuẩn xác là phạt hay bồi thường nếu một trong hai bên vi phạm HĐ. Nếu phạt HĐ thì mức phạt tối đa là 8% giá trị vi phạm (không phải giá trị hợp đồng như lâu nay mọi người lầm tưởng). Do vậy, các bên khi thoả thuận về mức phạt phải căn cứ vào quy định của Luật thương mại để lựa chọn mức phạt trong phạm vi từ 8% trở xuống, nếu ghi nhiều hơn thì phần phần vượt quá được coi là vi phạm điều cấm của pháp luật và bị vô hiệu.

Trong HĐ thương mại, nếu không có điều khoản cụ thể về phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nếu thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền áp dụng cả phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

Tất cả những tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc như: biên bản xác nhận, hóa đơn, tài liệu kỹ thuật, xuất xứ, kết quả giám định, xác nhận của nhân chứng, hình ảnh, thông tin liên quan bằng bản gốc... phải thật chuẩn xác và rõ ràng.

Muốn phạt vi phạm, bên nguyên đơn phải chứng minh được hành vi vi phạm. Còn đòi bồi thường thiệt hại thì phải chứng minh được tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

**- Điều khoản Giải quyết tranh chấp:**

 Đối với việc lựa chọn giải quyết tại Trọng tài hay tại Toà án thì thoả thuận phải phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

*Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các thương nhân với các tổ chức, cá nhân khác không phải là thương nhân* khi có tranh chấp thì do Toà án có thẩm quyền giải quyết. Các bên không thể lựa chọn Trọng tài để giải quyết.

*Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa thương nhân với thương nhân khi có tranh chấp* thì các bên có quyền lựa chọn hình thức giải quyết tại Trọng tài hoặc tại Toà án; nếu có sự tham gia của thương nhân nước ngoài thì các bên còn có thể lựa chọn một tổ chức Trọng tài của Việt Nam hoặc lựa chọn một tổ chức Trọng tài của nước ngoài để giải quyết.

Khi các bên lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp tại Trọng tài thì thoả thuận phải nêu một tổ chức Trọng tài cụ thể, ví dụ: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam”. Nếu chỉ thoả thuận chung chung là: “trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trọng tài” thì thỏa thuận này vô hiệu.

Đối với hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế: Cần lựa chọn luật áp dụng khi giải quyết tranh chấp là luật của bên mua hay là luật của bên bán hay là luật quốc tế. Đây là vấn đề hết sức quan trọng. Nhằm tránh rủi ro vì thiếu hiểu biết luật pháp của nước ngoài hay pháp luật quốc tế, thương nhân Việt Nam nên chọn luật Việt Nam để áp dụng cho việc thực hiện và giải quyết tranh chấp HĐTM.

*Những lưu ý khi ký kết hợp đồng thương mại:*

- Cần trú trọng ngay cả khâu soạn thảo Dự thảo HĐTM, đặc biệt là với thương vụ lớn hoặc HĐTM quốc tế

- Trong HĐTM cần có thỏa thuận cụ thể về chế tài (phạt vi phạm). Cần cẩn trọng điều khoản thỏa thuận vi phạm có liên hệ trực tiếp đến nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên. Biện pháp chế tài này càng chi tiết, rõ ràng thì càng tốt.

- Những chế tài cần phải khả thi, đúng quy định pháp luật để không bị vô hiệu và thực hiện được.

- Không nên coi chế tài để làm khó nhau, mà là biện pháp đảm bảo thực hiện đúng HĐTM, và hướng giải quyết khi xảy ra vi phạm, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên.

- Trong quá trình thực hiện HĐTM phải theo dõi, ghi nhận, khi có dấu hiệu vi phạm phải nhanh chóng thu thập chứng cứ để chứng minh.

- Thông báo kịp thời bằng văn bản khi bị vi phạm, nêu yêu cầu, biện pháp, khắc phục hoặc ngăn chặn...

- Đối với các hợp đồng thương mại có giá trị lớn, tình tiết phức tạp thì nên **mời luật sư hỗ trợ pháp lý, tham gia giải quyết ngay từ đầu.**

- Chi phí cho luật sư để giúp DN phòng ngừa rủi ro kinh doanh bao giờ cũng ít hơn rất nhiều so với chi phí khắc phục rủi ro hoặc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại.

**9. Tình huống cụ thể:**

**Câu hỏi: Nếu quan tâm đến vấn đề chủ thể ký kết hợp đồng thì cần chú ý vấn đề gì?**

Đối với cá nhân, cần quan tâm đến năng lực hành vi dân sự của họ, với pháp nhân, phải xác định cơ quan tổ chức đó có chức năng kinh doanh lĩnh vực định ký kết hay không? Ai là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân? Trong trường hợp người ký kết không phải là người đại diện theo pháp luật thì họ có được người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền không? Phạm vi ủy quyền? Thời hạn ủy quyền? Lưu ý trường hợp do Điều lệ của pháp nhân mà có thể có một hay nhiều đại diện theo pháp luật như Giám đốc điều hành, Chủ tịch hội đồng quản trị…

* **Đại diện hợp pháp**

*Đối với pháp nhân* : Là người được bổ nhiệm hoặc được bầu vào chức vụ đứng đầu pháp nhân đó và đương giữ chức vụ đó. Người đứng đầu pháp nhân là đại diện đương nhiên theo pháp luật của pháp nhân.

*Đối với doanh nghiệp tư nhân:*   Là chủ doanh nghiệp tư nhân. Trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân thuê người khác làm giám đốc thì giám đốc là đại diện cho doanh nghiệp theo hợp đồng trách nhiệm giữa chủ doanh nghiệp và người được thuê làm giám đốc và theo quy định của pháp luật.

*Đối với cá nhân có đăng ký kinh doanh*: Là người đứng tên trong giấy phép kinh doanh.

*Đối với những người làm công tác khoa học, kỹ thuật, nghệ nhân*: Là người trực tiếp thực hiện công việc trong hợp đồng. Nếu nhiều người cùng làm thì người ký vào bản hợp đồng phải do những người cùng làm cử bằng văn bản trong đó có tất cả chữ ký của những người đó và phải đính kèm theo hợp đồng kinh tế

*Đối với hộ gia đình nông dân, ngư dân, cá thể*: Là chủ hộ

*Đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam* (không có tư cách pháp nhân) thì đại diện tổ chức đó phải được uỷ quyền bằng văn bản của pháp nhân thành lập ra tổ chức tại Việt Nam.

*Đối với cá nhân nước ngoài ở Việt Nam* : Bản thân họ là người ký kết các hợp đồng kinh tế.

* **Đại diện theo uỷ quyền**

Theo quy định của pháp luật nếu người đại diện theo pháp luật không tham gia ký kết hợp đồng được có thể uỷ quyền cho người khác thay mình ký kết hợp đồng.

Việc uỷ quyền có thể là uỷ quyền theo vụ việc hoặc uỷ quyền thường xuyên tuy nhiên phải được thể hiện dưới hình thức bằng văn bản

+Đối với doanh nghiệp có con dấu riêng thì việc uỷ quyền không phải công chứng hoặc chứng nhận của UBND cấp có thẩm quyền trừ trường hợp đặc biệt pháp luật có quy định hoặc hai bên có thoả thuận khác.

+Cá nhân có đăng ký kinh doanh văn bản uỷ quyền phải có chứng thực của cơ quan công chứng nhà nước hoặc chứng nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn.

Người được uỷ quyền chỉ được phép hoạt động trong phạm vi được uỷ quyền và không được uỷ quyền lại cho người khác.

**Nếu quan tâm đến vấn đề hiệu lực của hợp đồng thì cần lưu ý những vấn đề gì?**

Cần phải tìm hiểu các vấn đề sau:

- Phạm vi kinh doanh của pháp nhân đối tác? Họ có được phép kinh doanh lĩnh vực mình đang muốn ký kết hay không?

- Khả năng thực hiện đối tượng của hợp đồng? họ có khả năng thực hiện hợp đồng đúng tiến độ không? Khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán? Có cần yêu cầu thực hiện bảo lãnh hay không?

**Cần làm gì để việc ký kết hợp đồng đúng mong muốn?**

* Soạn Dự thảo hợp đồng trước khi đàm phán:
* Tìm hiểu kỹ các thông tin xác định tư cách chủ thể của các bên:

Thông thường để một văn bản hợp đồng được rõ ràng, dễ hiểu thì người ta chia các vấn đề ra thành các điều khoản hay các mục, theo số thứ tự từ nhỏ đến lớn. Trong phần này, cần những lưu ý một số kỹ năng khi soạn thảo các vấn đề (điều khoản) quan trọng thường gặp trong hợp đồng thương mại.

*Điều khoản định nghĩa:*

Điều khoản định nghĩa được sử dụng với mục đích định nghĩa (giải thích) các từ, cụm từ được sử dụng nhiều lần hoặc cần có cách hiểu thống nhất giữa các bên hoặc các ký hiệu viết tắt. Điều này thường không cần thiết với những hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ thông thường phục vụ các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Nhưng nó rất quan trọng đối với hợp đồng thương mại quốc tế, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng tư vấn giám sát xây dựng; bởi trong các hợp đồng này có nhiều từ, cụm từ có thể hiểu nhiều cách hoặc từ, cụm từ chuyên môn chỉ những người có hiểu biết trong lĩnh vực đó mới hiểu. Ví dụ: “hạng mục công trình”, “quy chuẩn xây dựng”... Do vậy để việc thực hiện hợp đồng được dễ dàng, hạn chế phát sinh tranh chấp các bên phải làm rõ (định nghĩa) ngay từ khi ký kết hợp đồng chứ không phải đợi đến khi thực hiện rồi mới cùng nhau bàn bạc, thống nhất cách hiểu. Mặt khác khi có tranh chấp, kiện tụng xảy ra thì điều khoản này giúp cho những người xét xử hiểu rõ những nội dung các bên đã thỏa thuận và ra phán quyết chính xác.

*Điều khoản công việc:*

Trong hợp đồng dịch vụ thì điều khoản công việc (dịch vụ) mà bên làm dịch vụ phải thực hiện là không thể thiếu. Những công việc này không những cần xác định một cách rõ ràng, mà còn phải xác định rõ: cách thức thực hiện, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của người trực tiếp thực hiện công việc, kết quả sau khi thực hiện dịch vụ. Ví dụ: trong Hợp đồng tư vấn và quản lý dự án, không những cần xác định rõ công việc tư vấn, mà còn phải xác định rõ: cách thức tư vấn bằng văn bản, tư vấn theo quy chuẩn xây dựng của Việt Nam, người trực tiếp tư vấn phải có chứng chỉ tư vấn thiết kế xây dựng, số năm kinh nghiệm tối thiểu là 5 năm, đã từng tham gia tư vấn cho dự án có quy mô tương ứng. Có như vậy thì chất lượng của dịch vụ, kết quả của việc thực hiện dịch vụ mới đáp ứng được mong muốn của bên thuê dịch vụ. Nếu không làm được điều này bên thuê dịch vụ thường thua thiệt và tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng là khó tránh khỏi.

*Điều khoản tên hàng:*

Tên hàng là nội dung không thể thiếu được trong tất cả các hợp đồng mua bán hàng hóa. Để thuận lợi cho việc thực hiện hợp đồng và hạn chế tranh chấp phát sinh, tên hàng cần được xác định một cách rõ ràng. Hàng hoá thường có tên chung và tên riêng. Ví dụ: hàng hoá là gạo (tên chung), gạo tẻ, gạo nếp (tên riêng). Nên khi xác định tên hàng phải là tên riêng, đặc biệt với các hàng hoá là sản phẩm máy móc thiết bị. Tuỳ từng loại hàng hoá mà các bên có thể lựa chọn một hoặc nhiều cách xác định tên hàng sau đây cho phù hợp: Tên xuất xứ; tên nhà sản xuất; tên phụ lục hoặc Catalogue; tên thương mại; tên khoa học; tên kèm theo công dụng và đặc điểm; tên theo nhãn hàng hoá hoặc bao bì đóng gói.

*Lưu ý:* Không phải tất cả các loại hàng hoá đều được phép mua bán trong thương mại mà chỉ có những loại hàng hoá không bị cấm kinh doanh mới được phép mua bán. Ngoài ra đối với những hàng hoá hạn chế kinh doanh, hàng hoá kinh doanh có điều kiện, việc mua bán chỉ được thực hiện khi hàng hoá và các bên mua bán hàng hoá đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vấn đề này hiện nay được quy định tại một số văn bản sau: Luật thương mại 2005 tại các điều: Điều 25, Điều 26, Điều 32, Điều 33; Nghị định số: 59/NĐ-CP ngày 12/06/2006 về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Nghị định số:12/NĐ – CP ngày 23/01/2006 về mua bán, gia công, đại lý hàng hoá quốc tế và Thông tư số: 04/TT-BTM ngày 06/04/2006.

*Điều khoản chất lượng hàng hoá:*

Chất lượng hàng hoá kết hợp cùng với tên hàng sẽ giúp các bên xác định được hàng hoá một cách rõ ràng, chi tiết. Trên thực tế, nếu điều khoản này không rõ ràng thì rất khó thực hiện hợp đồng và rất dễ phát sinh tranh chấp. Dưới góc độ pháp lý “chất lượng sản phẩm, hàng hoá là: tổng thể những thuộc tính, những chỉ tiêu kỹ thuật, những đặc trưng của chúng, được xác định bằng các thông số có thể đo được, so sánh được phù hợp với các điều kiện hiện có, thể hiện khả năng đáp ứng nhu cầu của xã hội và của cá nhân trong những điều kiện sản xuất, tiêu dùng xác định, phù hợp với công dụng của sản phẩm hàng hoá” (Điều 3, Nghị Định số: 179/NĐ-CP ngày 21/10/2004 quy định quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá).

Nói chung chất lượng sản phẩm, hàng hoá được thể hiện thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật và những đặc trưng của chúng. Muốn xác định được chất lượng hàng hoá thì tuỳ theo từng loại hàng hoá cụ thể để xác định, dựa vào các chỉ tiêu về cơ lý, các chỉ tiêu về hoá học hoặc các đặc tính khác của hàng hoá đó.

Nếu các bên thoả thuận chất lượng hàng hoá theo một tiêu chuẩn chung của một quốc gia hay quốc tế thì có thể chỉ dẫn tới tiêu chuẩn đó mà không cần phải diễn giải cụ thể. Ví dụ: các bên thoả thuận: “chất lượng da giầy theo tiêu chuẩn Việt Nam theo Quyết định số: 15/QĐ- BCN, ngày 26/05/2006 về việc ban hành tiêu chuẩn ngành Da - Giầy”. Văn bản này có thể đưa vào mục tài liệu kèm theo của hợp đồng.

*Điều khoản số lượng (trọng lượng):*

Điều khoản này thể hiện mặt lượng của hàng hoá trong hợp đồng, nội dung cần làm rõ là: đơn vị tính, tổng số lượng hoặc phương pháp xác định số lượng. Ví dụ: Trong hợp đồng mua bán đá xây dựng để xác định số lượng các bên có thể lựa chọn một trong các cách sau: theo trọng lượng tịnh (kilôgam, tạ, tấn), theo mét khối, theo toa xe, toa tàu, hay theo khoang thuyền.

Đối với hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế thì cần phải xác định cụ thể cách xác định số lượng và đơn vị đo lường bởi hệ thống đo lường của các nước là có sự khác biệt. Đối với những hàng hoá có số lượng lớn hoặc do đặc trưng của hàng hoá có thể tự thay đổi tăng, giảm số lượng theo thời tiết thì cũng cần quy định một độ dung sai (tỷ lệ sai lệch) trong tổng số lượng cho phù hợp.

*Điều khoản giá cả:*

Các bên khi thoả thuận về giá cả cần đề cập các nội dung sau: đơn giá, tổng giá trị và đồng tiền thanh toán. Về đơn giá có thể xác định giá cố định hoặc đưa ra cách xác định giá (giá di động). Giá cố định thường áp dụng với hợp đồng mua bán loại hàng hoá có tính ổn định cao về giá và thời hạn giao hàng ngắn. Giá di động thường được áp dụng với những hợp đồng mua bán loại hàng giá nhạy cảm (dễ biến động) và được thực hiện trong thời gian dài. Trong trường hợp này người ta thường quy định giá sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường hoặc theo sự thay đổi của các yếu tố tác động đến giá sản phẩm.

*Ví dụ:* Trong hợp đồng mua bán sắt xây dựng (sắt cây phi 16), hai bên đã xác định giá là: 200.000 đồng/cây nhưng loại thép cây này được sản xuất từ nguyên liệu thép nhập khẩu và giá thép nhập khẩu bên bán không làm chủ được nên đã bảo lưu điều khoản này là: “Bên bán có quyền điều chỉnh giá tăng theo tỷ lệ % tăng tương ứng của giá thép nguyên liệu nhập khẩu.”

*Điều khoản thanh toán:*

Phương thức thanh toán là cách thức mà các bên thực hiện nghĩa vụ giao, nhận tiền khi mua bán hàng hoá. Căn cứ vào đặc điểm riêng của hợp đồng, mối quan hệ, các điều kiện khác mà các bên có thể lựa chọn một trong ba phương thức thanh toán sau đây cho phù hợp:

Phương thức thanh toán trực tiếp: khi thực hiện phương thức này các bên trực tiếp thanh toán với nhau, có thể dùng tiền mặt, séc hoặc hối phiếu. Các bên có thể trực tiếp giao nhận hoặc thông qua dịch vụ chuyển tiền của Bưu Điện hoặc Ngân hàng. Phương thức này thường được sử dụng khi các bên đã có quan hệ buôn bán lâu dài và tin tưởng lẫn nhau, với những hợp đồng có giá trị không lớn.

Phương thức nhờ thu và tín dụng chứng từ (L/C) là hai phương thức được áp dụng phổ biến đối với việc mua bán hàng hoá quốc tế, thực hiện phương thức này rất thuận tiện cho cả bên mua và bên bán trong việc thanh toán, đặc biệt là đảm bảo được cho bên mua lấy được tiền khi đã giao hàng. Phương thức nhờ thu là một phương thức thanh toán trong đó người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng một dịch vụ cho khách hàng ủy thác cho ngân hàng của mình thu hộ số tiền ở người mua trên cơ sở hối phiếu của người bán lập ra.Về thủ tục cụ thể thì Ngân hàng sẽ có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn các bên khi lựa chọn các phương thức thanh toán này.

*Lưu ý:* Việc thanh toán trực tiếp trong các hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các thương nhân Việt Nam với nhau hoặc với cá nhân, tổ chức khác trên lãnh thổ Việt Nam chỉ được sử dụng đồng tiền Việt Nam chứ không được sử dụng các đồng tiền của quốc gia khác, đồng tiền chung Châu Âu theo quy định tại Điều 4, Điều 22, Pháp lệnh ngoại hối 2005.

Hợp đồng kinh tế là cầu nối giữa các Thương nhân- chủ thể kinh doanh với nhau trên thương trường và là hoạt động phát sinh mang tính thường xuyên của thương nhân. Có thể nói trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình, hầu như không có chủ thể kinh doanh nào không ký kết hợp đồng kinh tế (hay còn gọi hợp đồng thương mại). Vấn đề giải quyết tốt ngay từ khâu soạn thảo, ký kết hợp đồng sẽ giúp các doanh nghiệp thực hiện hợp đồng như mong muốn, hạn chế tối đa rủi ro và thiệt hại nếu phát sinh tranh chấp.

**CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH.**

**MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**Luật gia, Luật sư: Nguyễn Xuân Tuyến**

**Phó Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Bình**

Để đi vào nội dung chính của tham luận, chúng ta cần hiểu như thế nào về kinh doanh, như thế nào là thương mại.

- **Kinh doanh:** Là hoạt động kinh tế của cá nhân, tổ chức nhằm mục đích thu lợi nhuận. Kinh doanh bao gồm nhiều lĩnh vực như: Sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, phân phối, lưu thông vận tải, trao đổi hàng hóa và dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, thông tin, sở hữu trí tuệ, bất động sản… Trong kinh doanh việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ là một hoạt động diễn ra thường xuyên, liên tục; các loại hình tổ chức kinh doanh cơ bản gồm kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp bán lẻ.

- **Hoạt động thương mại:** Theo quy định tại Điều 3 của Luật Thương mại năm 2005, hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi. Hoạt động thương mại bao gồm: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Hoạt động thương mại ngày nay diễn ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội ở trong nước, khu vực và quốc tế. Thương mại hàng hóa là hoạt động mà theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận tiền thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng hóa và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận…

Cung ứng dịch vụ cũng là hoạt động thương mại, theo đó một bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho bên khác và nhận thanh toán, bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ đó theo thỏa thuận. Đối với các hoạt động mua bán hàng hóa còn có những thương nhân chuyên kinh doanh mua, bán hàng hóa và cũng có những thương nhân đồng thời là nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ. Hiện nay pháp luật thương mại cũng có một số quy định liên quan đến nội dung của quá trình đầu tư sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ như: Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩn hàng hóa, quyền sở hữu trí tuệ.

I. **CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại là một trong những nội dung quan trọng để các bên tranh chấp lựa chọn cách giải quyết các mối quan hệ pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, thương mại.

Như chúng ta đã biết Chủ nghĩa Mác - Lê Nin và thực tiễn đã chỉ ra rằng: nền sản xuất được phát triển không ngừng thông qua các hoạt động kinh doanh, thương mại lưu thông hàng hoá trên thị trường để đưa sản phẩm sản xuất ra đến với người tiêu dùng. Quá trình sản xuất đến tiêu dùng diễn ra đã được Các Mác khái quát thành công thức sau: H-T-H và quá trình này được lặp đi lặp lại nhiều lần ; quy mô ngày càng được nâng lên do nhu cầu tiêu thụ cúa khách hàng ngày càng nhiều thông qua các hoạt động kinh doanh, lưu thông, phân phối hàng hoá trên thị trường. Trong quá trình này quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh đóng vai trò chi phối thị trường và quyết định quy mô nền sản xuât.

Hoạt động kinh doanh, thương mại được diễn ra trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Khi các quan hệ kinh doanh, thương mại ngày càng phát triển do quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh điều tiết thì những tranh chấp thường xảy ra ngày càng rất nhiều, đó là điều không thể tránh khỏi. Vì vây, một khi các doanh nghiệp hay thương nhân thực hiện các hoạt động sản xuất,kinh doanh, thương mại đã xảy ra tranh chấp do quá trình hợp đồng trao đổi các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thực hiện không đúng cam kết thì cần phải nghiên cứu để lựa chọn các hình thức giải quyết tranh chấp phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo có lợi cho doanh nghiệp, thương nhân và duy trì mối quan hệ kinh doanh, mua bán, dịch vụ làm ăn lâu dài, góp phần ổn định xã hội theo một trật tự nhất định.

Pháp luật hiện hành từ Bộ luật Dân sự năm 1995, 2005, 2015; Luật Thương Mại năm 2005; Luật Trọng tài Thương mại năm 2010; Luật Chứng khoán năm 2010, năm 2019; Luật Hòa giải cơ sở năm 2013 và các pháp luật chuyên ngành về nhà ở, về đất đai, bất động sản, xây dựng, tài chính, ngân hàng … đều có các quy định về phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại như sau:

- Thứ nhất là thương lượng;

- Thứ hai là hòa giải;

- Thứ ba là trọng tài;

- Thứ tư là tòa án.

Vấn đề lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng đa dạng, sâu rộng và không ngừng phát triển được áp dụng trong mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, đầu tư, xây dựng … đòi hỏi việc lựa chọn phải cân nhắc kỹ, lựa chọn cho phù hợp với các yếu tố về các mục tiêu cần đạt được, về bản chất của tranh chấp, về mối quan hệ làm ăn giữa các bên, tiết kiệm thời gian và chi phí dành cho việc giải quyết tranh chấp. Vì vậy, khi lựa chọn một phương thức giải quyết tranh chấp các bên cần phải hiểu rõ bản chất, các ưu điểm, nhược điểm của từng phương thức để đi đến lựa chọn, quyết định một cách hợp lý.

Dưới đây là một số ưu điểm, nhược điểm của các hình thức giải quyết tranh chấp cụ thể như sau:

***1. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng hình thức thương lượng:***

Đây là phương thức được khuyến khích và trong thực tiển phần lớn các tranh chấp kinh doanh, thương mại đều các bên ưu tiên lựa chọn trước tiên để giải quyết nhằm đạt kết quả cao trên tinh thần tự thương lượng để giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc hoàn toàn tôn trọng ý chí, quyền tự thỏa thuận của các bên mà không vi phạm các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội.

Ưu điểm của phương thức này là được giải quyết nhanh chóng trên tinh thần tự nguyện để các bên cùng có lợi và giữ gìn được bí mật trong kinh doanh. Nếu các doanh nghiệp và doanh nhân áp dụng phương thức này sẽ sớm mang lại hiệu quả, giảm bớt chi phí trong giải quyết tranh chấp, giữ gìn được mối quan hệ làm ăn lâu dài, xây dựng được tình đoàn kết, văn hóa ứng xử tốt đẹp trong cộng đồng doanh nghiệp và doanh nhân.

Tuy nhiên, nhược điểm của phương thức này nếu một bên không tự nguyện thì thường dẫn đến những thay đổi, kéo dài quá trình thương lượng. Nếu không thương lượng được thì phải giải quyết tranh chấp bằng một hình thức khác để đảm bảo tính hiệu lực cao hơn. Phương thức này đòi hỏi kỹ năng đàm phán, thương lượng hết sức khôn khéo, mềm dẻo và có nhiều kinh nghiệm, hiểu biết nhiều lĩnh vực pháp luật, có mối quan hệ xã hội rộng, biết chia sẻ lợi ích giữa các bên thì mới có thể thành công.

***2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng phương thức hòa giải:***

Hòa giải là việc các bên tiến hành thương lượng, giải quyết tranh chấp với sự hỗ trợ của bên thứ ba, đó là hòa giải viên. Kết quả hòa giải phụ thuộc vào ý chí, tự nguyện của các bên tranh chấp và uy tín, kinh nghiệm, kỹ năng của hòa giải viên, quyết định cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp là hoàn toàn phụ thuộc vào các bên tranh chấp, hòa giải viên là khâu trung gian để kết nối giữa hai bên ngồi lại với nhau cùng bàn bạc thoả thuận đi đến thống nhất.

Ưu điểm của hình thức này là thủ tục hòa giải được tiến hành nhanh gọn, chi phí thấp, các bên có quyền tự định đọat, lựa chọn bất kỳ người nào làm hòa giải viên để trung gian hòa giải và thống nhất về thời gian, địa điểm tiến hành hòa giải. Ưu điểm thứ hai là họ không bị gò bó về mặt thời gian như trong cách giải quyết các thủ tục tố tụng ở các phiên của trọng tài hay tòa án. Ưu điểm thứ ba hòa giải luôn mang tính thân thiện nhằm giữ gìn và phát triển các mối quan hệ trong kinh doanh vì lợi ích ở các bên. Hòa giải là một trong những giải pháp mong muốn các bên dàn xếp vụ việc sao cho không bên nào bị thua cuộc, không bị dẫn đến tình trạng đối đầu, thắng thua như trong quá trình khởi kiện và tranh tụng tại các cơ quan tham gia tố tụng ở tòa án. Hình thức này giải quyết được thì đặc biệt có hiệu quả cao, nhất là những tranh chấp về kinh doanh thương mại trong lĩnh vực về kỹ thuật (như xây dựng, đất đai, tài chính, bất động sản, sở hửu trí tuệ …).

Ưu điểm của phương thức này tạo điều kiện cho các bên tranh chấp hoàn toàn có quyền chủ động tìm kiếm một hòa giải viên có năng lực, đủ hiểu biết về pháp luật để tham gia giải quyết tranh chấp. Trong khi đó, nếu thực hiện kiện tụng tại phiên của trọng tài, tòa án thì các bên không có quyền lựa chọn cán bộ giải quyết. Một điều quan trọng khác là các nhà kinh doanh cũng rất quan tâm khi giải quyết bằng con đường hòa giải sẽ kiểm soát được chứng cứ, các tài liệu của mình, giữ gìn được bí mật trong kinh doanh, trong khi đó nếu giải quyết tại các tòa án thì yêu cầu này không được đảm bảo vì do tòa thực hiện xét xử theo nguyên tắc công khai, khách quan, chỉ tuân theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải còn có các nhược điểm nhất định, đó là: Hòa giải có được tiến hành hay không còn phụ thuộc vào sự nhất trí của các bên, hòa giải viên không có quyền đưa ra một quyết định ràng buộc hay áp đặt bất cứ vấn đề gì đối với các bên tranh chấp; thỏa thuận trong hòa giải không có tính chất bắt buộc thi hành như phán quyết của trọng tài hay của tòa án nên hiệu lực không cao. Thủ tục giải quyết tranh chấp này ít được sử dụng nếu các bên tranh chấp không có sự tin tưởng với nhau và thường bị thất bại khi một bên không đồng ý hoặc hòa giải viên năng lực hiẻu biết pháp luật, kỹ năng trung gian tập hợp, kinh nghiệm còn hạn chế. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật hiện hành để đảm bảo ổn định xã hội thì phương thức hoà giải ở cơ sở đang được áp dụng rộng rãi trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm cũng cố mối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Hòa giải là một phương thức được pháp luật quy định trong giải quyết các vụ, việc tranh chấp dân sự, hợp đồng kinh doanh thương mại, đất đai, xây dựng, dịch vụ.

Luật Hòa giải ở cơ sở đã được Quốc hội thông qua và thực hiện trong 6 năm vừa qua trên phạm vi cả nước, đến tháng 12 năm 2019 có 96.896 tổ hòa giải với 601.312 hòa giải viên; đã tiến hành hòa giải 875.573 vụ việc, trong đó hòa giải thành 707.945 vụ việc, đạt tỷ lệ 80,6%. Tại địa bàn tỉnh Quảng Bình đến nay có 1.303 tổ hòa giải với 8.701 hòa giải viên, qua 6 năm triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở, các tổ hòa giải, hòa giải viên đã tiến hành hòa giải 10.749 vụ việc,trong đó hòa giải thành 9.491 vụ việc đạt tỉ lệ 88,3%, hòa giải không thành 1.219 vụ việc, số vụ việc đang giải quyết là 39 vụ việc; đặc biệt Quảng Bình đã xây dựng được mô hình giao ban định kỳ giữa các tổ hòa giải ở cơ sở với Chủ tịch UBND cấp xã, đã mang lại những giá trị tích cực cho sự phát triển của công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần quan trọng vào sự ổn định tình hình an ninh trật tự, cũng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

Vừa qua, từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019, Tòa án nhân dân tối cao đã thí điểm thực hiện Kết luận của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp ở Trung ương tại 16 tỉnh, thành trong cả nước, các Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án của 16 tỉnh, thành phố (Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng tàu, Khánh Hòa…) đã hòa giải, đối thành 36.985 vụ việc trên tổng số 47.493 vụ việc, đạt tỉ lệ 78, 08%, trong đó có 459 vụ án về kinh doanh thương mại chiếm tỉ lệ 39,43%. Kết quả thí điểm nêu trên đã được cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương đánh giá đây là mô hình mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, giải quyết các mâu thuẩn, tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội, phù hợp với xu thế giải quyết tranh chấp không thông qua các biện pháp xét xử, góp phần ổn định xã hội và giảm bớt chi phí, thời gian, thủ tục xét xử tại Tòa và được Tòa án công nhận hòa giải thành để làm căn cứ cho các bên thực hiện.

***3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng phương thức trọng tài:***

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng Trọng tài là một hình thức giải quyết không thể thiếu được trong nền kinh tế thị trường và ngày càng được các nhà kinh doanh áp dụng khi hội nhập quốc tế. Đây là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của Hội đồng Trọng tài hoặc Trọng tài viên với tư cách là bên thứ ba độc lập để giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng việc đưa ra các phán quyết bắt buộc các bên phải thi hành. Ưu điểm của phương thức này là giải quyết tranh chấp có tính linh hoạt, tạo quyền chủ động cho các bên, nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian, rút ngắn thủ tục và đảm bảo được tính bí mật. Trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc án, quyết định của trọng tài không được công bố công khai, rộng rãi, Trọng tài tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu các thỏa thuận đó không bị cấm và trái với các đạo đức xã hội;các bên đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ;các bên tranh chấp được Hội đồng. Trọng tài hoặc trọng tài viên tạo mọi điều kiện để họ thực hiện các quyền của mình Mặt khác, phán quyết của Trọng tài là phán quyết chung thẩm nên không tiếp tục bị khiếu kiện. Theo nguyên tắc trên thì các bên kinh doanh vẫn giữ được bí quyết kinh doanh cũng như danh dự, uy tín của mình.

Phương thức giải quyết Trọng tài không bị giới hạn về mặt lãnh thổ cho phép các bên được lựa chọn bất kì một Trung tâm Trọng tài nào để giải quyết tranh chấp cho mình. Giải quyết bằng phương thức Trọng tài có ưu thế vượt trội so với giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng, hòa giải. Khi Trọng tài đưa ra các phán quyết thì các bên không được kháng cáo bất cứ một tổ chức hay Tòa án nào.

Tuy vậy, với phương thức giải quyết bằng tranh chấp trọng tài vẫn còn nhiều nhược điểm đó là chi phí cao, vụ việc giải quyết có lúc còn kéo dài. Việc thi hành các quyết định Trọng tài không phải lúc nào cũng được thuận lợi suôn sẽ như việc thi hành các bản án và quyết định của Tòa án. Vấn đề này đòi hỏi khi giải quyết bằng phương thức Trọng tài các Hội đồng Trọng tài hoặc Trọng tài viên phải có trình độ hiểu biết về pháp luật cao kể cả trong nước và quốc tế. Nhưng trên thực tế ở nước ta các Hội đồng trọng tài và trọng tài viên hoạt động hiệu quả chưa cao do kỹ năng ngoại ngữ và trình độ hiểu biết pháp luật, nhất pháp luật quốc tế còn hạn chế. Do đó, phương thức giải quyết này nhiều hợp đồng kinh doanh, thương mại của các doanh nghiệp trong nước với nhau ít được lựa chọn, trừ các hợp đồng có yếu tố nước ngoài.

Việc điều tra xác minh chứng cứ, áp dụng các biện pháp khẩn cấp mất nhiều thời gian và thường gặp nhiều khó khăn khi triệu tập các nhân chứng. Phán quyết của trọng tài có thể bị toà án xét lại; việc thực hiện các phán quyết của trọng tài phụ thuộc phần lớn vào ý thức tự nguyện của các bên. Đối với doanh nghiệp nước ngoài, uy tín đối với doanh nghiệp là yếu tố đặt lên hàng đầu, do đó việc họ tự giác thực hiện các quyết định của trọng tài khá cao. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong nước vẫn chưa coi trọng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, vẫn chưa có ý thức tự giác dẫn đến phát quyết các trọng tài hay bị yêu cầu huỷ hoặc không được thi hành chiếm tỉ lệ lớn.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài từ năm 2010 đến nay ít được các doanh nghiệp lựa chọn mà chủ yếu giải quyết bằng toà án.

***4. Phương thức giải quyết tranh chấp, kinh doanh thương mại bằng Tòa án.***

Đây là việc đưa các vụ tranh chấp ra xét xử tại Tòa án, phương thức này có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những nhược điểm nhất định.

Về ưu điểm: phương thức giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án khi các bên lựa chọn cơ quan Tòa án thì do cơ quan Tòa án Nhà nước xét xử. Những phán quyết của Tòa án có tính cưỡng chế cao nếu không chấp hành sẽ bị cơ quan thi hành án cưỡng chế. Do đó, khi đã đưa các vụ việc tranh chấp ra Tòa án xét xử thì quyền lợi của người thắng kiện được đảm bảo,bên thua kiện sẽ có tài sản để đảm bảo thi hành án cho bên thắng kiện.

Việc giải quyết tranh chấp của toà án được thực hiện qua các cấp xét xử:sơ thẩm, phúc thẩm, nếu bản án có hiệu lực pháp luật còn có thể được xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Toà án giải quyết theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số nên vụ việc được xem xét một cách kỹ lưỡng, khách quan. Các toà án đại diện cho chủ quyền quốc gia, có điều kiện tốt hơn trong tài viên trong việc tiến hành điều tra, có quyền cưỡng chế, triệu tập các bên có liên quan đến toà để xét xử. Theo quy định của pháp luật thì các bên không phải trả thù lao cho thẩm phán, chi phí hành chính cho xét xử hiện nay rất hợp lý, còn thấp hơn giải quyết bằng trọng tài.

Tuy nhiên, việc lựa chọn phương thức này cũng có nhiều nhược điểm nhất định: thủ tục xét xử tại Tòa thiếu linh hoạt do đã được pháp luật Nhà nước quy định theo trình tự thủ tục nhất định buộc phải tuân theo; phán quyết toàn án thường bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị. Quá trình tố tụng có thể bị trì hoãn kéo dài, phải qua nhiều cấp xét xử, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và thương nhân. Tòa án xét xử theo nguyên tắc công khai đây là nguyên tắc được xem là tiến bộ mang tính răn đe ,nhưng đôi khi cũng là một cản trở đối với doanh nhân do những tài liệu phải cung cấp, bí mật kinh doanh bị tiết lộ. Chính vì những nhược điểm này nên giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng Tòa án ít được lựa chọn từ đầu, nếu có lựa chọn thì đây là phương thức cuối cùng khi phương thức thương lượng, hòa giải, trọng tài không mang lại hiệu quả.

Kết quả giải quyết các vụ án liên quan đến kinh doanh, thương mại từ 01/1/2015 đến 31/5/2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Đơn vị | Tổng số vụ án kinh doanh thương mại | | Số vụ án hợp đồng mua bán, dịch vụ | | Số vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng | |
| Thụ lý | Giải quyết | Thụ lý | Giải quyết | Thụ lý | Giải quyết |
|  | TAND tỉnh, huyện |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Sơ thẩm | 468 | 434 | 103 | 93 | 357 | 334 |
| 2 | Phúc thẩm | 36 | 34 | 22 | 22 | 14 | 12 |
|  | Tổng cộng | 504 | 468 | 125 | 115 | 371 | 346 |

Việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng toà án trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua được nhiều doanh nghiệp lựa chọn, bình quân 1 năm có trên 100 vụ. Việc thi hành án được toà án nhân dân cả hai cấp quan tâm, phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án nên kết quả giải quyết thành công đạt tỷ lệ cao. Tuy nhiên, đối với án tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn có một số vướng mắc do các bên cung cấp chứng cứ còn thiếu, phải mất nhiều thời gian để điều tra. Đặc biệt sau khi án có hiệu lực việc giải quyết xử lý tài sản có liên quan đến hợp đồng tín dụng gặp nhiều khó khăn do bên tranh chấp có tài sản thiếu hợp tác.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP,KIẾN NGHỊ

**1. Thuận lợi**

*- Đối với phương thức:*Tùy thuộc vào mức độ và tính chất phức tạp của hợp đồng, các bên có thể chủ động cân nhắc, lựa chọn những phương thức nói trên phù hợp với hoàn cảnh thực tế mà vốn dĩ không ai có quyền thay thế định đoạt.

*- Đối với cơ sở pháp lý:* Ngoài văn bản pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành đã được Quốc hội ban hành.

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, ngày 20 tháng 03 năm 2014, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài Thương mại có hiệu lực ngày 01 tháng 07 năm 2014 nhằm giải quyết một số vấn đề còn chưa rõ của Luật Trọng tài Thương mại như phân định thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án, việc hỗ trợ và giám sát của tòa án đối với hoạt động trọng tài nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Công văn số 246/TANDTC-KT ngày 25 tháng 07 năm 2014 về việc giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt  Nam quyết định kinh doanh, thương mại của Trọng tài nước ngoài. Theo đó, khi xem xét việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài Hội đồng xét đơn không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra, đối chiếu quyết định của Trọng tài nước ngoài, các giấy tờ, tài liệu kèm theo với các quy định của BLTTDS, các quy  định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt nam ký kết hoặc gia nhập có liên quan để giải quyết.

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại đã tạo cơ sở pháp lý cho các bên có thêm một sự lựa chọn trong việc giải quyết tranh chấp, Nghị định quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại.

- Ngày 02/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Quyết định số 1268/QĐ-TTg, có hiệu lực thi hành từ ngày 02/10/2019 “Phê duyệt Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại”. Mục tiêu của đề án là hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, góp phần giảm thiểu các tranh chấp hợp đồng, nâng xếp hạng chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng.

- Trong kỳ họp thứ 9, Quốc hội (khóa XIV) ngày 16/6/2020 đã thông qua Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Đây là các căn cứ quan trọng, tạo nền tảng pháp lý cơ bản trong việc thiết lập cơ chế hòa giải, đối thoại tại Tòa để khắc phục nhiều vướng mắc bất cập của các cơ chế hòa giải, đối thoại hiện nay, góp phần hạn chế các vụ việc phải đưa ra Tòa xét xử, nhanh chóng giải quyết tranh chấp, mâu thuẩn, tiết kiệm được chi phí, công sức của các bên liên quan và Nhà nước.

**2. Khó khăn, vướng mắc**

*2.1 Khó khăn, vướng mắc đối với công tác hòa giải:*

Hiện nay, tại Việt Nam tồn tại 4 phương thức giải quyết tranh chấp bao gồm:  Thương lượng, Hòa giải, Trọng Tài, Tòa án.

Trong đó : Thương lượng là phương thức được lựa chọn nhiều nhất do đây là giải pháp mở đầu quen thuộc của nội bộ hai bên để giải quyết tranh chấp trước khi đưa tranh chấp ra cơ quan tài phán. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thương lượng của hai bên khó đạt được do nguyên nhân xảy ra tranh chấp chủ yếu là sự vi phạm nghĩa vụ của một bên mà bên còn lại khó có thể chấp nhận được dẫn đến tranh chấp, các bên trong quan hệ tranh chấp khó có thể bình tĩnh xem xét các vấn đề một cách khách quan. Bên cạnh đó, biện pháp thương lượng không có cơ chế để ràng buộc, bắt buộc các bên phải thi hành sau khi đạt được thỏa thuận, dẫn đến tiếp tục phát sinh tranh chấp.

Đối với phương thức hòa giải là phương thức có nhiều ưu điểm trong các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, phương thức này hiện vẫn chưa được áp dụng nhiều do còn thiếu sự tin tưởng vì:

+ Thứ nhất: Trình độ học vấn và trình độ hiểu biết pháp luật chuyên sâu của đội ngũ hòa giải viên hiện còn hạn chế, vẫn còn nhiều người thiếu kỹ năng hòa giải ,dẫn đến lúng túng trong quá trình hòa giải các vụ việc phức tạp, liên quan đến nhiều chính sách, pháp luật, nhất là trong tranh chấp kinh doanh thương mại.

+ Thứ hai: Chưa huy động được đông đảo các Luật sư, Luật gia, những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao trên các lĩnh vực tham gia hoạt động hòa giải; chưa gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động hòa giải với hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và các hoạt động bổ trợ tư pháp khác.

+ Thứ ba: Kinh phí bố trí cho công tác hòa giải còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; việc huy động các nguồn lực xã hội khác ngoài kinh phí ngân sách nhà nước chưa được chú trọng và chưa có cơ chế rõ ràng.

*2.2 Khó khăn, vướng mắc tại tòa án*

***a) Vướng mắc khi áp dụng Luật thương mại:***

Luật thương mại năm 2005 ra đời có khá nhiều điểm mới, tiến bộ so với Luật thương mại năm 1997. Song bên cạnh đó cũng còn một số điểm bất cập cần đặt ra xem xét.

Tại khoản 1 Điều 3 Luật thương mại quy định “Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”. Tuy nhiên, các hoạt động nhằm nhằm mục đích sinh lợi khác là những hoạt động cụ thể nào cho đến nay chưa có văn bản giải thích. Như vậy, các tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng, tín dụng, bảo hiểm ...có được xem là những hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác và có phải là đối tượng điều chỉnh của Luật thương mại không?

Tại khoản 2 Điều 3 quy định hàng hoá bao gồm: Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; những vật gắn liền với đất đai. Trong xét xử còn có nhiều ý kiến hiểu khác nhau.Vậy, động sản đó là những loại gì,nhất là những động sản hình thành trong tương lai ? Những vật gắn liền với đất đai đó là những vật gì?

Hiện nay, Bộ Luật Dân sự năm 2015 đã có bổ sung quy định về tài sản và tài sản hình thành trong tương lai,cụ thể như sau:

“Điều 105. Tài sản

1.Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

2.Tài sản bao gồm bất động sản và đọng sản.Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”.

Điều 108 BLDS năm 2015 bổ sung thêm về tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai như sau:

“Điều 108. Tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.

1.Tài sản hiện có là tài sản đã hình thành và chủ thể đã xác lập quyền sở hữu,quyền khác đối với tài sản trước hoặc tại thời điểm xác lập giao dịch.

2.Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm:

a) Tài sản chưa hình thành;

b) Tài sản đã hình thành nhưng chưa xác lập quyền sở hữu sau thời điểm xác lập giao dịch.”

Ngoài quy định trên BLDS 2015 không có quy định nào khác chi tiết hoá đặc điểm pháp lý của tài sản hình thành trong tương lai. Thực tiễn xét xử khi áp dụng quy định này đã tạo nhiều vướng mắc, có nhiều cách hiểu khác nhau về tài sản hình thành trong tương lai, nhất là vướng mắc khi chủ thể đi đăng ký giao dịch bảo đảm hoặc công chứng để cung cấp chứng cứ cho toà án. Ví dụ: Một tài sản mới chỉ được hình thành trên ý tưởng hay hợp đồng giao dịch hay bản vẽ kiến trúc, bản vẽ kỹ thuật ,dự toán công trình được phê duyệt... có được coi là tài sản hình thành trong tương lai hay không? Như vậy, ở giai đoạn nào của quá trình hình thành tài sản được xác định là tài sản chưa hình thành, nhưng sẽ hình thành trong tương lai ?

Vướng mắc trên sẽ xảy ra trường hợp giao dịch bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai đã dược xác lập nhưng tại thời điểm nghĩa vụ của bên bảo đảm phát sinh,tài sản chưa hình thành hoặc quyền sở hữu tài sản của bên bảo đảm vẫn chưa được xác lập.Do đó, bên nhận bảo đảm chưa thể có được quyền gì đối với tài sản ấy.Như vậy, sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nhận bảo đảm, mặc dù giao dịch tài sản hình thành trong tương lai được xác lập hợp pháp. Do đó, quy định này cho thấy thiếu sự đầy đủ, an toàn về mặt pháp lý đẻ bảo vệ quyền lợi cho bên nhận bảo đảm.

Cũng tại khoản 3 Điều 3 quy định “Thói quen trong hoạt động thương mại” cũng gây những vấn đề tranh cãi trong công tác xét xử. Xác định “quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại *nhiều lần* trong một thời gian dài giữa các bên *mặc nhiên thừa nhận* để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thương mại”. Để xác định sự việc có phải là thói quen nhiều lần thì căn cứ bao nhiêu lần là *nhiều lần* và trong thời gian bao lâu để xác định là trong một thời gian dài, cũng như việc đã *mặc nhiên thừa nhận* của các bên rất khó để được công nhận là thói quen trong hoạt động thương mại.

***b) Vướng mắc trong các quy định về xác định thời hiệu khởi kiện vụ án***

Thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp phát sinh từ quan hệ thương mại được xác định theo thứ tự: Luật chuyên ngành; Luật thương mại. Như vậy, trước hết phải xác định theo luật chuyên ngành của từng lĩnh vực. Trường hợp không có luật chuyên ngành thì áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 319 của Luật thương mại 2005. Theo đó “Thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”. Riêng những tranh chấp thương mại phát sinh từ dịch vụ Logictics thì thời hiệu khởi kiện tại điểm e khoản 1 Điều 237 là 09 tháng kể từ ngày giao hàng. Theo quy định của Luật thương mại thì cách xác định thời hiệu khởi kiện đối với các loại tranh chấp  thương mại có nguyên tắc cơ bản giống với BLDS 2015. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy hầu như thời hiệu khởi kiện quy định trên không được áp dụng mà chủ yếu áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định trong các luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động thương mại trong các lĩnh vực cụ thể, như trường hợp yêu cầu hủy quyết định của Đại hội cổ đông được xác định tại Điều 107 của Luật doanh nghiệp; về Hợp đồng bảo hiểm thì tùy từng loại hợp đồng, thời hiệu được xác định theo Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật thương mại, Luật dân sự 2015 và một số trường hợp khác như trong lĩnh vực hoạt động hàng hải, về hợp đồng vận chuyển hàng không... dẫn đến việc áp dụng pháp luật để xác định thời hiệu giữa các tòa án, giữa các Thẩm phán khi xét xử còn vướng mắc, chưa mang tính thống nhất.

***c) Về thời hạn giải quyết vụ án:***

Theo Điều 179 BLTTDS quy định:

  “1.Thời hạn chuẩn bị xét xử các loại vụ án được quy định như sau:

a) Đối với các vụ án quy định tại Điều 25 và Điều 27 của Bộ luật này, thời hạn là bốn tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án;

  b) Đối với các vụ án quy định tại Điều 29 và Điều 31 của Bộ luật này, thời hạn là hai tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá hai tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm a và một tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2.….

3. Trong thời hạn một tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng”.

Với quy định trên của BLTTDS thì thời hạn giải quyết vụ án kinh doanh thương mại quá ngắn. Nếu trong một vụ án kinh doanh thương mại đương sự không hợp tác, không có mặt để tham gia tố tụng khi được triệu tập... Ngoài  lý do không nhận được văn bản triệu tập, rất nhiều trường hợp đương sự không còn ở địa phương hoặc đương sự cố tình lẩn tránh không hợp tác; đương sự ở nước ngoài thì cần phải làm thủ tục ủy thác tư pháp, thu thập thêm chứng cứ;  hiểu biết nhiều về pháp luật hạn chế khi tham gia ký kết các hợp đồng nên khi xảy ra tranh chấp không tự cung cấp được chứng cứ, phải yêu cầu Tòa án thu thập từ các cơ quan, tổ chức khác. Tính phức tạp trong mội dung tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc giải quyết án bị kéo dài, quá hạn luật định, gây không ít khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

***d) Vướng mắc trong việc tùy nghi áp dụng phương thức giải quyết các vụ án tranh chấp thương mại.***

Căn cứ tại Điều 317 của BLTTDS năm 2015 thì các vụ án không cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì khác, khi triệu tập đầy đủ các đương sự đã đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn tại Điều 65 BLTTDS năm 2015, tuy nhiên một số thẩm phán lại lựa chọn cách giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường mà không lựa chọn giải quyết theo thủ tục rút gọn là vì thời gian chuẩn bị phiên tòa ít và chưa có văn bản quy định bắt buộc áp dụng. Mặt khác trong Luật Thương mại năm 2005 cũng không có quy định cụ thể về việc áp dụng các thủ tục rút gọn đối với các vụ án tranh chấp thương mại.

***đ) Vướng mắc trong việc thu thập chúng cứ, thông tin về vụ án***

Theo quy định của pháp luật, đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu thì Thẩm phán mới tự mình thu thập chứng cứ hoặc trong các trường hợp khác mà pháp luật có quy định. Quy định như vậy là phù hợp, song việc áp dụng nguyên tắc này trên thực tế gặp nhiều khó khăn. Hầu hết các Tòa án áp dụng theo quy định tại BLTTDS, chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp mà không “nhiệt tình” thu thập, xác minh thêm các tài liệu, chứng cứ (trừ khi đương sự yêu cầu) của bị đơn mặc dù họ cố tình trốn tránh. Trong pháp luật tố tụng nước ta không quy định rõ hay có một chế tài nào đối với việc không cung cấp các tài liệu chứng cứ thì có bất lợi hay không, và ở đây cũng không quy định rõ thời hạn bắt buộc trong việc giao nộp chứng cứ. Các đương sự có thể cất giữ các tài liệu, chứng cứ bất lợi hoặc có lợi cho mình hoặc có khả năng thu thập nhưng lại không thu thập để cung cấp cho Tòa án. Và đến khi những chứng cứ đó có lợi thì các đương sự mới xuất trình hoặc sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mới xuất trình chứng cứ kèm theo đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm, Tái thẩm. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng của Quyết định, Bản án tại các Tòa án nhân dân các cấp và việc kháng cáo, kháng nghị chắc chắn sẽ ngày càng nhiều.

**3. Một số giải pháp**

*3.1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại ở Việt Nam hiện nay phù hợp với tập quán,thông lệ quốc tế.*

Việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giải quyết tranh chấp Hợp đồng thương mại luôn là nhu cầu cấp bách hiện nay giúp các các cơ luật tố tụng giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, rút ngằn thời gian ,chi phí giải quyết cho các bên tranh chấp. Đồng thời để xây dựng một hệ thống Tòa án hiện đại, văn minh có thể đáp ứng được nhu cầu của các đương sự khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp trong quan hệ kinh tế, đặc biệt đối với tranh chấp hợp đồng thương mại. Như vậy, Tòa án mới có thể giữ được vị thế của mình trong cách nhìn của các chủ thể trong nền kinh tế ngày càng đa dạng và phức tạp. Việc hình thành pháp luật tố tụng không phải để đưa ra nhằm làm khó khăn hay phiền toái mà đây là phương tiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi có tranh chấp xảy ra, đồng thời đây cũng tạo sự công bằng, quyền uy của các cơ quan đại diện cho công lý. Tuy nhiên, trên thực tế pháp luật Việt Nam còn quá rườm rà và nhiều bất cập. Do đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp Hợp đồng trong kinh doanh thương mại nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay là rất cần thiết.

*3.2. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và thống kê thành tập án lệ, các vụ việc,mô hình hoà giải thành có hiệu quả* riêng trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp Hợp đồng kinh doanh, thương mại tạo điều kiện cho các hoà giải viên, luật gia,luật sư, thẩm phán và các bên có liên quan nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này để áp dụng một cách nhanh chóng, thuận lợi.

*3.3. Nâng cao trách nhiệm tiếp nhận, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án đây là giải pháp cần thiết để xử lý vụ án một cách khách quan đúng sự thật.* Việc thu thập chứng cứ trong giải quyết một vụ án dân sự, đặc biệt trong vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại tương đối phức tạp thì cần phải quy định cụ thể hơn và quy định mốc thời gian cung cấp thật rõ ràng.

3.4. *Nghiên cứu quy định rõ thẩm quyền của Viện kiểm sát với tư cách là người tiến hành tố tụng đối với vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại*: Trên thực tế thì quyền của Viện kiểm sát có thể thực hiện quyền kháng nghị của mình đối với hầu hết tất cả các quyết định hoặc bản án của Tòa, cho rằng có sai sót về tố tụng hoặc nội dung. Theo đó, ta thấy rằng, Viện kiểm sát có thể kháng nghị đối với các quyết định hoặc bản án mà các bên tranh chấp đồng ý thỏa thuận với nhau, hài lòng với phán quyết của Tòa, đương sự không khiếu nại hay kháng cáo gì. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc kéo dài thời gian, chậm trễ trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, cần nghiên cứu để có quy định sửa đổi về thẩm quyền của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại, tạo cơ hội cho các chủ thể tham gia trong quan hệ kinh tế đặt ý chí tự nguyện dưới sự điều tiết của cơ quan pháp luật.

*3.5. Nâng cao chất lượng hòa giải tại Tòa án nhân dân*: Nguyên tắc hòa giải trong tố tụng được quy định tại Điều 10 BLTTDS năm 2015, theo đó: “Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”. Cần đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ hòa giải tại các Tòa án, đây là nền tảng để các vụ án tranh chấp được giải quyết triệt để, nhanh chóng mà không bị kháng cáo, kháng nghị. Bởi vì việc hòa giải không thành, các chủ thể tham gia kinh tế sẽ mất sự đoàn kết, gắn bó, càng căng thẳng hơn lúc ban đầu, từ đó muốn các bên cùng nhau thương lại, thỏa thuận ở các giai đoạn tố tụng tiếp theo sẽ không hiệu quả và không dễ dàng so với ban đầu.

3.6. *Nâng cao trình độ chuyên môn của những cán bộ tiến hành tố tụng :* Hiện nay, trình độ chuyên môn của các Thẩm phán đều phản ánh khá chân thực qua thực tiễn xét xử, thấy rõ được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ một số thẩm phán còn hạn chế, nhất là đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại trong đó liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm, tín dụng, vận tải…. Do đó, các Thẩm phán cần được tổ chức các buổi tập huấn một cách chuyên sâu, mở rộng hơn đối với từng lĩnh vực cụ thể, mới mang lại kết quả cao trong công tác giải quyết các vụ án phức tạp, đa dạng như hiện nay. Mặt khác, không chỉ tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng mà còn bồi dưỡng lý luận chính trị cho các Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân, nhất là tập trung đào tạo cán bộ chủ chốt, lãnh đạo quản lý trong diện đã quy hoạch, bảo đảm được đội ngũ nòng cốt sau này. Đồng thời, khuyến khích cán bộ công chức học ngoại ngữ, tin học để nâng cao năng lực, trình độ về mọi mặt, đặc biệt đối với những cán bộ trẻ có khả năng tiếp thu nhanh, giao tiếp tốt nhằm đảm bảo khả năng giải quyết vụ việc trong thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế của nước ta.

3.7. *Nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại các địa phương:* Cần chú trọng phối hợp với chặt chẽ giữa các cấp, các ngành của địa phương trong hệ thống chính trị,kiện toàn đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật. Nâng cao trình độ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật, kỹ năng truyền đạt, tuyên truyền phải theo từng nhóm đối tượng sao cho phù hợp với thực tế cuộc sống. Công tác tuyên truyền ,phổ biến ,giáo dục pháp luậtcần được nhân rộng không chỉ trực tiếp mà còn qua hệ thống đài truyền hình, đài truyền thanh, báo, tập san, tờ tin,các phương tiện thông tin đại chúng…nhằm mang lại hiệu quả cao.

**4. Kiến nghị**

4.1. Kính đề nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Ban Bí thư, Bộ Chính trị tiếp tục có văn bản tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong hoạt động hoà giải. Tập trung giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân nhất là vấn đề liên quan đến đời sống, việc làm, đền bù do thu hồi đất đai; giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, các vụ án kinh tế phức tạp nhằm ổn định tình hình.

4.2.Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, TAND tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần nghiên cứu, sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể thuận lợi cho quá trình thực hiện trong công tác xét xử, đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng các hợp đồng đối với tài sản hình thành trong tương lai và thói quen trong hoạt động thương mại.

4.3. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn cụ thể về thời hiệu khởi kiện áp dụng các vụ việc tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại để có sự thống nhất khi xét xử.

4.4. Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao có văn bản quy định xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp cố ý né tránh, lẩn trốn, không hợp tác trong cung cấp chứng cứ, cố tình không có mặt tại phiên tòa xét xử các vụ án kinh doanh thương mại.

4.5. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nhất quán, cụ thể việc giải quyết các vụ án tranh chấp thương mại theo thủ tục rút gọn bắt buộc đối với những vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng nhằm tiết kiệm thời gian, kinh phí cho Nhà nước và đương sự.

4.6 .Kính đề nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính cân đối đủ ngân sách cho công tác hoà giải, trọng tài, xét xử, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, xây dựng hoàn hoàn hệ thống pháp luật Việt Nam, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

**5. Tình huống cụ thể**

## Câu hỏi: Việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo phương thức tòa án được thực hiện theo các bước như thế nào?

**Trả lời:** Theo BLTTDS 2015 thì thẩm quyền của Tòa án bao gồm: thẩm quyền theo vụ việc và thẩm quyền theo cấp, theo lãnh thổ. Do đó:

### Bước 1: Xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết để khởi kiện.

### - Thẩm quyền giải quyết của tòa án:

Theo Điều 30 BLTTDS 2015, những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án bao gồm:

1. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

2. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

3. Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty.

4. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

5. Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

**- Thẩm quyền theo cấp của tòa án:**

Theo Điều 35 BLTTDS 2015, TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết đối với tranh chấp kinh doanh thương mại tại khoản 1 Điều 30. Tức là những tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

Trong trường hợp có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Lúc này TAND cấp tỉnh sẽ có thẩm quyền giải quyết.

Và theo khoản 1 Điều 37 BLTTDS 2015, TAND cấp tỉnh sẽ có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về kinh doanh thương mại còn lại. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện quy định tại Điều 35 của Bộ luật này mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tòa án nhân dân cấp huyện.

- **Thẩm quyền theo lãnh thổ:**

Các bên trong tranh chấp căn cứ theo quy định tại Điều 39 BLTTDS 2015 để xác định cụ thể tòa án nơi nào có thẩm quyền giải quyết.

### Bước 2: Gửi đơn khởi kiện

Theo Điều 186 BLTTDS 2015, người khởi kiện tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đơn khởi kiện phải có những nội dung sau:

- Ngày, tháng, năm và địa điểm làm đơn khởi kiện;

- Tên Tòa án nhận đơn khởi kiện;

- Tên, nơi cư trú, làm việc của người khởi kiện là cá nhân. Nếu bên khởi kiện là tổ chức thì ghi rõ địa chỉ trụ sở; số điện thoại, và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp các bên thỏa thuận địa chỉ để Tòa án liên hệ thì ghi rõ địa chỉ đó;

- Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cá nhân. Đối với tổ chức thì ghi rõ địa chỉ trụ sở; số điện thoại, và địa chỉ thư điện tử (nếu có), và cũng ghi rõ người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

- Tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là cá nhân, nếu bên bị kiện là tổ chức thì ghi rõ địa chỉ trụ sở; số điện thoại, Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người bị kiện thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người bị kiện;

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cũng cung cấp thông tin tương tự như trên.

- Quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Nếu có người làm chứng thì ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người làm chứng;

- Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.

Kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm.

### Bước 3: Quy trình thụ lý

Theo Điều 191 BLTTDS 2015, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau đây:

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện;

- Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 317 của Bộ luật này;

- Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;

- Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Thẩm phán chỉ thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án.

Chánh án Tòa án quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án bảo đảm nguyên tắc vô tư, khách quan, ngẫu nhiên.

### Bước 4: Thời hạn giải quyết

Theo Điều 203, Điều 205 BLTTDS 2015 thì tùy thuộc vào tính chất của mỗi vụ việc, thời hạn chuẩn bị xét xử thường kéo dài từ 02 đến 04 tháng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

**TÌM HIỂU VỀ CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC VÀ CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ GÓP PHẦN CẢI THIỆN CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC VÀ CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT TỪ THỰC TIỄN CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chi hội Luật gia Thanh tra tỉnh Quảng Bình**

Trong phạm vi bài tham luận, xin nêu một số nội dung khái quát về chỉ số chi phí không chính thức và chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật và kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh trong năm 2019.

**1. Chỉ số chi phí không chính thức là 1 trong 10 chỉ số thành phần**, gồm 9/128 chỉ tiêu của bộ chỉ số PCI ( Là chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân). Năm 2019 là năm thứ 15 liên tục báo cáo kết quả điều tra với sự tham gia của trên 12.429 doanh nghiệp trong đó: 10.846 doanh nghiệp dân doanh từ 63 tỉnh, thành phố và 1.583 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI tại 21 tỉnh, thành phố. Chỉ số Chi phí không chính thức là chỉ số đo lường các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để chi trả các khoản phí không liên quan đến sản xuất, đầu tư, tiền phạt và các khoản phí bất thường khác trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Việc phải trả các khoản chi phí không chính thức có thật sự mang lại kết quả như mong đợi của doanh nghiệp hay chỉ là việc các cán bộ Nhà nước sử dụng quy định của địa phương để trục lợi cá nhân. Chi phí không chính thức quá lớn “bủa vây” doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu tư, giá thành sản phẩm, việc minh bạch vốn của nhà đầu tư, lợi nhuận của doanh nghiệp và đặc biệt là năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp khó được nâng cao. Việc chi trả các khoản chi phí không chính thức sẽ làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp đồng nghĩa với việc đầu tư vào địa phương sẽ giảm sút và ngược lại. Chi phí không chính thức được đánh giá dựa trên 9 chỉ tiêu cụ thể, gồm:

*- Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức;*

*- Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức*

*- Tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến*

*- Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn);*

*- Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được ;*

*- DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến;*

*- Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ Thanh tra, kiểm tra.*

*- Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai.*

*- Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Trong thời gian vừa qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình nhận thức rất sâu sắc vai trò quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vừa giải quyết việc làm, vừa nộp ngân sách lại vừa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI đã xác định cải thiện môi trường sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời quan tâm, chú trọng đến sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp cũng là một trong những giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Và những nỗ lực, cam kết của chính quyền địa phương trong việc cắt giảm các chi phí không chính thức cũng như tạo ra sân chơi bình đẳng cho các khu vực kinh tế là bước đi đúng đắn và hiệu quả góp phần từng bước nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.  Theo báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố thường niên cho thấy chỉ số chi phí không chính thức có ở tất cả 63 tỉnh thành với mức độ khác nhau. Đối với tỉnh Quảng Bình, chi phí không chính thức có dấu hiệu ngày càng giảm, tiếp tục thu nhận những phản ánh tích cực của cộng đồng doanh nghiệp về nỗ lực của chính quyền trong phòng chống tham nhũng và cắt giảm chi phí không chính thức tại địa phương tạo điều kiện đối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cũng như góp phần nâng cao chỉ số năng lực canh tranh cấp tỉnh của địa phương (năm 2015: 4.70 điểm, năm 2016: 4.71 điểm, năm 2017: 5.16 điểm, năm 2018: 4.54 điểm và năm 2019: 6.20 điểm). Theo kết quả đánh giá Chỉ số PCI năm 2019, trong đó chỉ số PCI của Quảng Bình đạt 63,71 điểm, tăng 2,65 điểm so với năm 2018, đây là điểm số cao nhất từ trước đến nay của tỉnh, xếp thứ 52/63 trong bảng xếp hạng PCI 2019 toàn quốc, tăng 02 bậc so với năm 2018. (Từ trước đến nay, thứ hạng tốt nhất của tỉnh đạt được là năm 2013 được xếp hạng 29/63) . Đặc biệt, chỉ số Chi phí không chính thức có sự cải thiện đáng kể. Nếu như năm 2018 đạt 4,54, xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố, thì năm 2019 đạt 6,20 điểm, tăng 1,66 điểm, xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố, tăng 31 bậc so với năm 2018. Đây là chỉ số cải thiện mạnh mẽ nhất trong năm 2019 thể hiện sự quyết tâm của lãnh đạo tỉnh và các sở, ban, ngành trong thời gian qua. Những phản ánh tích cực của cộng đồng doanh nghiệp về nỗ lực của chính quyền địa phương trong phòng chống tham nhũng, cắt giảm chi phí không chính thức thể hiện ở một số chỉ số thành phần tăng điểm:  *- Chỉ tiêu chi trả chi phí không chính thức là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu, xếp thứ 6/63 tỉnh thành (tăng 51 bậc);*  *- Chỉ tiêu DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (tăng 21 bậc);*  *- Chỉ tiêu công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (tăng 12 bậc);*  *- Tỉ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC đất đai (tăng 19 bậc).* |  |  |  |  |

**2. Chi phí tuân thủ pháp luật (gọi tắt là B1**) được hiểu là các chi phí mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật. Chi phí tuân thủ pháp luật bao gồm: (1) Chi phí hành chính, chi phí về nhân công và thời gian mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu để thực hiện các yêu cầu của pháp luật, bao gồm thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước và các nghĩa vụ khác.(2) Chi phí đầu tư để tuân thủ quy định: chi phí mà doanh nghiệp, người dân phải đầu tư về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nhân công, đào tạo… để đáp ứng các yêu cầu theo quy định pháp luật.(3) Các khoản phí, lệ phí chính thức mà doanh nghiệp, người dân phải nộp trong quá trình thực hiện các thủ tục có liên quan.(4) Chi phí rủi ro pháp lý (nếu có): chi phí tăng thêm, thiệt hại hoặc mất cơ hội kinh doanh mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu do chất lượng kém của quy định pháp luật dẫn đến bị xử phạt hoặc chậm chễ trong giải quyết thủ tục.(5) Chi phí không chính thức: Các khoản trả thêm hoặc “lót tay” liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng dịch vụ công cộng, trả thuế hoặc để được nhận các hợp đồng, giấy phép trong lĩnh vực công hoặc để có được các quyết định thuận lợi.

Thông qua việc cải thiện chỉ số B1, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ có điều kiện xem xét, đánh giá đúng thực trạng về các chi phí tuân thủ pháp luật hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ tính toán được lợi ích mang lại của chỉ số B1 cho các doanh nghiệp (giảm thiểu được các chi phí), tạo thuận lợi và giảm gánh nặng của chi phí B1 đối với các doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đề xuất được những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật hiện nay. Ngày 01/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; trong đó giao Bộ Tư pháp làm đầu mối theo dõi việc cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (gọi tắt là chỉ số B1). Ngày 08/3/2019, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 554/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP và triển khai thực hiện trên toàn ngành, đơn vị, địa phương. Nhờ đó năm 2019, chỉ số B1của Việt Nam theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã được nâng cao về điểm số và thứ hạng, đạt 3.4/7 (tăng 0.3 điểm so với năm 2018), xếp thứ 79/141 nước (tăng 17 bậc so với năm 2018).

Trong năm 2019, thực hiện chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, góp phần nâng xếp hạng chỉ số B1, kết quả như sau:

***Thứ nhất, về xây dựng, hoàn thiện thể chế để giảm chi phí tuân thủ pháp luật***

Tiếp tục thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật không rõ ràng, không khả thi, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, trong đó đặc biệt quan tâm, chú trọng đến việc kiến nghị các Bộ, ngành bãi bỏ các quy định tạo ra chi phí tuân thủ pháp luật về gia nhập thị trường và chi phí tuân thủ pháp luật về xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.Trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản không có các quy định mới không cần thiết, bất hợp lý, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp trong các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

***Thứ hai, về tổ chức thi hành pháp luật***

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp được chú trọng. Trong đó, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chính sách về hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, các quy định về đất đai, thuế, đấu thầu,... cho cộng đồng doanh nghiệp.

Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh hết sức quan tâm, xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trong đó tập trung nêu cao hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

Công tác hỗ trợ về tài chính cũng như pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua được chỉ đạo triển khai thường xuyên thông qua nhiều hình thức, góp phần nâng cao hiểu biết, hạn chế rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình thành lập và phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thực hiện việc niêm yết đầy đủ địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính, hành vi hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã, trên trang, cổng thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ. Công tác tiếp công dân được thực hiện theo quy định của Luật Tiếp công dân; việc tiếp công dân định kỳ và đột xuất được duy trì; ngoài việc tổ chức tiếp dân đột xuất còn bố trí tiếp dân, đối thoại tại nơi công dân khiếu nại, tố cáo.

***Thứ ba, về cải cách thủ tục hành chính***

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, của Tỉnh ủy, thời gian qua tỉnh đã tích cực, chủ động điều hành tăng cường, nâng cao công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn. Các TTHC của các sở, ban, ngành đều được niêm yết, công khai đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đồng thời đăng tải trên trên Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của UBND tỉnh. Các TTHC đều được cập nhật, đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cơ sở dữ liệu Cổng dịch vụ công quốc gia để cá nhân, tổ chức tra cứu, thực hiện.

Nhiều TTHC được rút ngắn thời gian thực hiện, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, tuân thủ pháp luật.

Công tác chỉ đạo, điều hành qua hệ thống điện tử được đẩy mạnh. UBND tỉnh đã triển khai thực hiện hệ thống gửi nhận văn bản, hệ thống thư điện tử của tỉnh, phần mềm theo dõi chỉ đạo của UBND tỉnh, hồ sơ công việc; dịch vụ công trực tuyến... từng bước hiện đại hóa nền hành chính công vụ theo hướng Chính phủ điện tử. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thường xuyên rà soát, hạn chế tối đa các bất cập, “lỗ hổng” dễ làm phát sinh tiêu cực đối với doanh nghiệp.

Về phía Chi hội Luật gia Thanh tra tỉnh, được sự quan tâm lãnh đạo, Chi bộ Thanh tra tỉnh, Chi hội đã bám sát nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của Hội Luật gia tỉnh để tham mưu, giúp Lãnh đạo Thanh tra tỉnh triển khai thực hiện. D thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; không thực hiện lại các nội dung trong phạm vi đã được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kết luận trước đó; thực hiện thanh tra, kiểm tra hàng năm không quá 01 lần/năm đối với một doanh nghiệp, trong quá trình thanh tra, kiểm tra không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

Thanh tra tỉnh đã chỉ đạo các Đoàn thanh tra có giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong công tác thanh tra. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 1593/CTr-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện giai đoạn III chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng (2016-2020) của tỉnh, trong đó có mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch nhằm thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp; xóa bỏ nhũng nhiễu, tiêu cực trong quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.

Từ năm 2017 đến nay, Thanh tra tỉnh không nhận được sự phản ánh nào của doanh nghiệp về tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp, về trường hợp trả tiền phần trăm “bôi trơn” để được cấp Giấy phép đầu tư, tiền hoa hồng để có được các hợp đồng của cơ quan nhà nước, các khoản không chính thức để được thông quan sớm,…

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1 còn một số khó khăn, vướng mắc như:

Việc xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp để nâng xếp hạng chỉ số B1 mới triển khai, chưa được tập huấn cụ thể nên việc áp dụng các giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật còn lúng túng;

Việc tiếp tục đơn giản hóa quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết của các TTHC còn gặp nhiều khó khăn;

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của một số cơ quan, ban, ngành và UBND các phường, xã còn hiệu quả chưa cao.

Trên cơ sở kết quả đạt được, trong thời gian tới, để cải thiện điểm số chỉ số Chi phí không chính thức và chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Các Bộ, ngành tiếp tục thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không rõ ràng, cụ thể, không khả thi, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, kiểm soát chẽ việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trên tinh thần quán triệt và tuân thủ triệt để các yêu cầu, tiêu chí đặt ra trong các Nghị quyết của Chính phủ; Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao chỉ số cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp trong đầu tư, kinh doanh; Tăng cường chia sẻ dữ liệu cho các địa phương, quan tâm hơn nữa trong việc giải đáp những khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương để việc tổ chức thực thi pháp luật được chính xác, thống nhất, đồng bộ nhằm làm giảm phí tuân thủ pháp luật. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện thể chế công tác theo dõi thi hành pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện; tiếp tục nâng cao nâng cao chất lượng thẩm định trong hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời tăng cường tập huấn nội dung nâng xếp hạng chỉ số B1 cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn tại địa phương.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo một số nội dung sau:

2.1. Quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ngành, cấp quản lý thực hiện nghiêm túc Kế hoạch hành động số 740/KH-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh về, trong đó:

- Tập trung giảm các khoản chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả chế độ giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi, các cán bộ nhũng nhiễu, gây phiền hà và đòi hỏi các chi phí không chính thức của nhà đầu tư, doanh nghiệp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự minh bạch và hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, không quy định thêm và kiên quyết loại bỏ những quy trình, khâu trung gian, giấy tờ không cần thiết; khắc phục tình trạng khép kín, thiếu công khai, minh bạch trong giải quyết các thủ tục hành chính với người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng đa dạng các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi có biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

2.2. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 218/UBND-NC ngày 21/02/2020 về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật.

- Quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ngành, cấp quản lý

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 1593/CTr-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện giai đoạn III Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng (2016-2020) của tỉnh, trong đó có mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch; xóa bỏ nhũng nhiễu, tiêu cực trong quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.

- Tập trung giảm các khoản chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả chế độ giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm công chức, viên chức nhũng nhiễu, gây phiền hà và đòi hỏi các chi phí không chính thức của nhà đầu tư, doanh nghiệp. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, không quy định thêm và kiên quyết loại bỏ những quy trình, khâu trung gian, giấy tờ không cần thiết; khắc phục tình trạng khép kín, thiếu công khai, minh bạch trong giải quyết các thủ tục hành chính với người dân và doanh nghiệp. Xây dựng đa dạng các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố cáo hành vi nhũng nhiễu; kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi có biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tiếp nhận, xử lý và giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp.

2.3. Quán triệt, chỉ đạo công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm pháp luật về công vụ, công chức, pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhiệm vụ. Thanh tra các sở, ban, ngành; huyện, thành phố, thị xã chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện vi phạm, xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật; báo cáo người đứng đầu cơ quan quản lý hành chính cấp trên và Thanh tra tỉnh kết quả xử lý.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, nhất là các trường hợp “tham nhũng vặt”, nhũng nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp.

***- Câu hỏi tình huống:***

**Câu hỏi 1: Chi phí không chính thức ảnh hưởng thế nào tới doanh nghiệp?**

**Trả lời:** Chi phí không chính thức được cho là gánh nặng và làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Chi phí này được hạch toán vào giá thành sản phẩm, đẩy giá sản phẩm lên cao, hậu quả là giảm sức cạnh tranh của sản phẩm trên [thị trường](https://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/thi-truong/). Các chi phí không chính thức đang là vấn đề gây khó khăn và tốn kém cho doanh nghiệp nhiều nhất.Không những thế, nó còn làm phát sinh thêm chi phí khác. Chẳng hạn, để hợp pháp hóa chi phí không chính thức,doanh nghiệp sẽ phải chi thêm tiền, dẫn đến hiện tượng gian dối trong kinh doanh như buôn bán hóa đơn; báo cáo tài chính, thuế không trung thực,...

Chi phí không chính thức còn làm suy giảm lòng tin của doanh nghiệp vào nỗ lực cải cách của Chính phủ, không thúc đẩy sáng tạo, kinh doanh chân chính, hủy hoại liêm chính trong kinh doanh. Ngoài ra, có thể còn nhiều tác động tiêu cực khác, như kinh tế ngầm, kinh tế phi chính thức, tham nhũng và có thể khiến các doanh nghiệp đang hoạt động từ bỏ ý định mở rộng sản xuất kinh doanh.

**Câu hỏi 2: Nguyên nhân tồn tại chi phí không chính thức hiện nay?**

**Trả lời:** Có hainguyên nhân cơ bản, một là do những hạn chế của hệ thống thể chế, quy định pháp luật. Hệ thống quy định pháp luật, thủ tục hành chính không rõ ràng, không hợp lý, phức tạp và không tiên liệu được đã tạo thành cơ hội cho một số cán bộ liên quan nhũng nhiễu doanh nghiệp và đòi hỏi chi phí không chính thức. Cùng với đó là ý thức thực thi pháp luật không nghiêm, không công bằng, minh bạch hoặc lợi dụng địa vị của cán bộ giao nhiệm vụ để sách nhiễu doanh nghiệp. Hai là, ý thức tuân thủ pháp luật của một số doanh nghiệp chưa cao, chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, do đó khi có sự kiểm tra, giám sát của cơ quan thẩm quyền thì chủ động thực hiện việc bội trơn, khỏa lấp vấn đề thiếu sót của đơn vị; mặt khác còn có hiện tượng nhờ vã sự quen biết, hoặc bỏ chi phí bôi trơn để được hưởng các dịch vụ ưu tiên, làm nhanh, làm gấp…

**Câu hỏi 3: Cần làm gì để xóa bỏ chi phí không chính thức cho doanh nghiệp**

**Trả lời:** Để xóa bỏ chi phí không chính thức cho doanh nghiệp thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, đồng thời nói không với tham nhũng và cần cố gắng "chính thức hóa" chi phí không chính thức bằng việc thuê các cơ quan tư vấn, hỗ trợ pháp lý chuyên nghiệp để thay mình thực hiện thủ tục có liên quan nhằm chính thức hóa thành chi phí kinh doanh.

Cơ quan nhà nước cần công khai minh bạch mọi thủ tục, sớm đưa chính quyền điện tử vào hoạt động. Khi minh bạch hoá, công khai hoá giao dịch giữa chính quyền và người dân thông qua mạng điện tử thì toàn bộ quá trình sẽ được minh bạch và không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và chính quyền, không có dư địa cho sự nhũng nhiễu, tiêu cực. Đây cũng là cách thức căn bản để có thể giảm thiểu chi phí không chính thức và đảm bảo cho môi trường kinh doanh trở nên tốt hơn và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cần thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; giao trách nhiệm cho người đứng đầu bộ phận, cơ quan giải quyết các thủ tục pháp lý cho doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện nhũng nhiễu, nhận chi phí không chính thức thì ngoài trách nhiệm người trực tiếp có liên quan, cần xem xét thi hành kỷ luật người đứng đầu quản lý bộ phận, cơ quan đó để đảm bảo hiệu quả trong giám sát nội bộ cơ quan.

**NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP TỪ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình**

Để thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) nói chung và cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nói riêng, Sở Xây dựng đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính từng giai đoạn, đồng thời định kỳ hàng năm đều ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm. Trong đó chú trọng tập trung các hoạt động cụ thể như: kiểm soát thủ tục hành chính; kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC; tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đăng ký và thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; ứng dụng công nghệ thông tin; tuyên truyền cải cách hành chính; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tổ chức hội nghị đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC và giải quyết TTHC. Sau khi ban hành các kế hoạch cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã quán triệt và triển khai thực hiện đến các phòng, các đơn vị, các bộ phận; phân công rõ các nhiệm vụ cho từng phòng, đơn vị. Sở cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp triển khai công tác cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính. Hội nghị giao ban hàng tháng cũng đã báo cáo tình hình giải quyết thủ tục hành chính và giao nhiệm vụ CCHC, KSTTHC cho các phòng, bộ phận thực hiện. Sở đã thường xuyên đẩy mạnh công tác chỉ đạo, đôn đốc các phòng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính từ Cơ quan Sở Xây dựng đến các đơn vị trực thuộc. Luôn phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó đồng chí Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách công tác cải cách TTHC; đồng thời bố trí 01 công chức theo dõi, đôn đốc; phương tiện, trang thiết bị được trang bị đầy đủ. Định kỳ 6 tháng, 01 năm, Sở đều tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác cải cách hành chính.

Tất cả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh, các kế hoạch, báo cáo, chương trình về CCHC, công tác tuyển dụng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, các quyết định công bố TTHC Sở đều đã phô tô gửi các phòng, các đơn vị liên quan và đều được cập nhật kịp thời và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp, giao ban, Sở đều lồng ghép phổ biến cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức hiểu rõ hơn công tác CCHC và niêm yết công khai các quy trình, quy định, các TTHC để cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nắm. Sở còn niêm yết Địa điểm tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Sở cũng đã phối hợp với Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh- Truyền hình Quảng Bình, Tạp chí Văn hóa doanh nhân, Báo Công thương, Báo Công luận, Tạp chí Thương trường;… để tuyên truyền công tác CCHC của Sở.

Nhờ vậy, mọi công chức, viên chức của Sở, ngành đều nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của công tác CCHC đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, tích cực triển khai các nội dung trong Chương trình, Kế hoạch CCHC của tỉnh, sở. Công tác CCHC, kiểm soát TTHC ở Sở Xây dựng được lãnh đạo Sở tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và ngày càng được củng cố, hoàn thiện; quy trình giải quyết hồ sơ TTHC giữa bộ phận tiếp nhận, trả kết quả với các phòng chuyên môn, tổ chức, cá nhân và giữa các phòng thuộc Sở được phối hợp chặt chẽ, kịp thời.

Tính đến nay, tổng số TTHC trong lĩnh vực Xây dựng là 59 TTHC, trong đó TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng là 41 thủ tục và TTHC áp dụng tại cấp huyện là 18 thủ tục. Tất cả các TTHC trong lĩnh vực xây dựng do Sở tham mưu công bố. Việc phối hợp thực hiện TTHC giữa các phòng của Sở và giữa Sở với các cơ quan liên quan rất chặt chẽ, kịp thời, đúng thời gian quy định. Tất cả các TTHC trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh công bố dựa trên các TTHC đã được Bộ Xây dựng công bố, Sở Xây dựng không tham mưu ban hành các TTHC mới. Từ 2016-nay, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 28 bộ TTHC, trong đó: Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung 81 TTHC, bãi bỏ 88 TTHC. Sở Xây dựng đã tổ chức thực hiện niêm yết công khai tất cả các TTHC đã được UBND tỉnh công bố theo các hình thức niêm yết công khai trên bảng niêm yết TTHC, đóng thành Sổ hướng dẫn đặt tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC và tại các phòng chuyên môn trực tiếp giải quyết TTHC; cập nhật công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng. Ngoài ra, Sở cũng đã cập nhật, đăng tải công khai các thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý trên Chuyên mục Quy hoạch, Kế hoạch, Chính sách và tài liệu pháp lý khác của HĐND, UBND tỉnh theo yêu cầu tại Công văn số 1267/UBND-NC ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh. Giai đoạn 2016-nay, Sở đã rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa 12 thủ tục/nhóm TTHC; kiến nghị sửa đổi, bổ sung 12 văn bản quy phạm pháp luật. Tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát đều được Sở trình UBND tỉnh kiến nghị phương án đơn giản hóa. UBND tỉnh đã tổng hợp kiến nghị các bộ, ngành.

Sở đã ký thỏa thuận hợp tác, cung ứng dịch vụ với bưu điện tỉnh và đã thông báo, công khai tại bộ phận Một cửa, các phòng chuyên môn. Tuy nhiên, đến nay, do đặc thù các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở phức tạp và cồng kềnh nên các tổ chức, cá nhân vẫn chưa áp dụng nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Hồ sơ và quá trình giải quyết của công chức, viên chức được công khai, minh bạch, việc giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân cũng được kiểm soát chặt chẽ, chất lượng giải quyết công việc ngày càng tốt hơn; thời gian trả kết quả cho khách hàng được rút ngắn nhiều hơn; giảm thiểu chi phí, thời gian, công sức của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC. Giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 3/2020: Sở Xây dựng đã tiếp nhận 6835 hồ sơ, đã giải quyết 6710 hồ sơ, có 05 hồ sơ quá hạn**.** Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng đều được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa (25 TTHC), một cửa liên thông (20 TTHC) tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, các lĩnh vực giải quyết TTHC đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, có Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Các phòng chuyên môn giải quyết TTHC đã thực sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện TTHC, không có trường hợp tự ý yêu cầu khách hàng bổ sung hồ sơ, các hồ sơ yêu cầu bổ sung, từ chối giải quyết hoặc hồ sơ trả chậm đều có văn bản của Sở. Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện việc giải quyết hồ sơ TTHC theo đúng cam kết rút ngắn 10% thời gian giải quyết so với thời hạn đã được pháp luật quy định; giảm thiểu chi phí, thời gian, công sức của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC.

Sở cũng đã ký thỏa thuận hợp tác, cung ứng dịch vụ với bưu điện tỉnh và đã thông báo, công khai tại bộ phận Một cửa, các phòng chuyên môn. Tuy nhiên, đến nay, do đặc thù các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở phức tạp và cồng kềnh nên các tổ chức, cá nhân vẫn chưa áp dụng nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Sở Xây dựng đã thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (là Văn phòng UBND tỉnh) và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị để các tổ chức, cá nhân biết. Ngoài ra, Sở đã sử dụng hòm thư góp ý, công khai số điện thoại đường dây nóng và thiết lập Chuyên mục “Người dân hỏi, cơ quan chức năng trả lời” để kịp thời hướng dẫn, giải đáp, xử lý những thắc mắc của cá nhân, tổ chức liên quan đến thủ tục hành chính. Định kỳ hàng năm, Sở Xây dựng cũng đã tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC và quy định hành chính. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay, Sở chưa nhận được phản ánh, kiến nghị nào của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính. Các vướng mắc về TTHC và quy định hành chính được các phòng chuyên môn giải đáp và thông qua hội nghị đối thoại.

*Một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị:*

- Số lượng hồ sơ TTHC tại Sở Xây dựng qua các năm ngày càng nhiều, số lượng biên chế không được tăng thêm, gây khó khăn cho việc giải quyết TTHC và dẫn đến vẫn còn tình trạng hồ sơ trả kết quả chậm so với thời hạn quy định

- Việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích chưa được các tổ chức, cá nhân lựa chọn do đặc thù các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở phức tạp và cồng kềnh.

- Đối với những đơn vị có khối lượng công việc tăng mà biên chế công chức chưa đáp ứng; đề nghị xem xét bổ sung biên chế công chức nhằm thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiệm vụ cải cách TTHC.

**NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ DU LỊCH. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NÀY**

**Hội Luật gia thành phố Đồng Hới**

***Kính thưa quý vị Đại biểu!***

***Kính thưa hội nghị!***

Hôm nay, tham dự hội nghị đối thoại về các chính sách pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh của doanh nghiệp; thay mặt Hội Luật gia thành phố, Tôi xin gửi đến quý vị, đại biểu và toàn thể hội nghị lời chúc sức khoẻ và hạnh phúc, chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Được sự phân công của Ban Tổ chức hội nghị, Tôi xin tham luận một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; một số đề xuất, kiến nghị và giải pháp tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực này như sau:

***Kính thưa hội nghị!***

Thành phố Đồng Hới là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học của tỉnh Quảng Bình, là vùng đất có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch. Có vị trí địa lý thuận lợi, có Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh đi qua; có sân bay… do đó du khách có thể đến với Đồng Hới bằng nhiều phương tiện khác nha. Mặt khác thành phố Đồng Hới có bờ biển dài, phẳng, không khí trong lành thuận tiện cho việc khai thác du lịch biển. Hiện nay, thành phố đang khai thác có hiệu quả các bãi tắm biển Nhật Lệ, Bảo Ninh, Quang Phú. Cùng với 19 Di tích được xếp hạng (09 Di tích quốc gia; 10 Di tích cấp tỉnh) đã đáp ứng nhu cầu tìm hiểu nghiên cứu môi trường văn hóa của du khách. Bên cạnh đó thành phố cũng đã quan tâm đầu tư khôi phục và phát triển các lễ hội truyền thống như: lễ hội bơi trãi, cầu ngư, cầu mùa, múa bông chèo cạn… đã tạo được điểm nhấn, ấn tượng đối với du khách. Các ngành nghề truyền thống với các sản phẩm chế biến từ hải sản, sản phẩm tươi sống phần nào đáp ứng nhu cầu của du khách.

Cơ sở vật chất trên địa bàn được đầu tư xây dựng ngày càng đồng bộ phục vụ trực tiếp cho ngành du lịch, trong đó tập trung đầu tư nâng cấp các cơ sở lưu trú phục vụ du khách nghỉ dưỡng, nhiều cơ sở kinh doanh có quy mô với trang thiết bị hiện đại. Tính đến nay, Thành phố có 222 cơ sở lưu trú, trong đó có 116 khách sạn (trong đó có 5 khách sạn 5 sao; 7 khách sạn 4 sao). Tổng số phòng lưu trú là 5.235 phòng, với 9.502 giường

Các dịch vụ hỗ trợ du lịch: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, hệ thống chợ, các điểm vui chơi, giải trí, các dịch vụ mua sắm ngày càng phát triển cơ bản đáp ứng yêu cầu của du khách. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức quản lý chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ du lịch đã được chú trọng, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao, phong cách, thái độ có nhiều tiến bộ. Hoạt động du lịch ngày càng phong phú, đa dạng, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, tạo thêm nhiều việc làm cho nhân dân. Các dự án đầu tư du lịch phát triển cả về số lượng và quy mô, do đó thành phố Đồng Hới đang dần trở thành điểm điến hấp dẫn thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới, du lịch được xác định là ngành có vai trò quan trọng. Vì vậy, Thành ủy Đồng Hới đã ban hành Chương trình hành động số 05 về đẩy mạnh phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, Đồng Hới phấn đấu đến năm 2020, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, khẳng định thương hiệu, phát triển bền vững, đóng góp quan trọng trong cơ cấu khu vực dịch vụ và tăng trưởng của thành phố… Để đạt được mục tiêu đó, công tác quản lý nhà nước về du lịch phải được tăng cường và không ngừng đổi mới, nhất là xây dựng chiến lược, quy hoạch, ban hành các chính sách quản lý, các quy chế, kế hoạch, đề án… Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh, thành phố quy hoạch xây dựng các khu du lịch nội thành và quy hoạch chi tiết các điểm du lịch,…

Cùng với đó, thành phố tranh thủ mọi nguồn lực, phát huy tối đa tính xã hội hóa trong huy động các nguồn vốn của thành phần kinh tế tư nhân và sử dụng hiệu quả vốn ngân sách để đầu tư phát triển hạ tầng du lịch. Công tác đầu tư hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin và hạ tầng du lịch cũng tập trung vào những hạng mục trọng yếu, cấp bách.

Thành phố quan tâm, tạo điều kiện và mời gọi có chọn lọc các nhà đầu tư lớn để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch một cách đồng bộ, nhất là hệ thống khách sạn, nhà hàng, các điểm dịch vụ mua sắm giải trí. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm du lịch, thành phố phát triển đa dạng các hoạt động, loại hình dịch vụ phục vụ du khách nhằm kích thích chi tiêu, góp phần tăng doanh thu cho ngành du lịch.

Một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố, đó là công tác cải cách các thủ tục hành chính. Trong thời gian qua, các sở, ban ngành có liên quan, UBND thành phố đã chú trọng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các biện pháp để đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn. Đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong giải quyết các thủ tục hành chính như: tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; cam kết rút ngắn tối thiểu 10% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định của pháp luật; thực hiện trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin; áp dụng quy trình ISO 9000 - 2015; tăng cường xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ tại Bộ phân tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả dưới dạng treo bảng và sổ tay hướng dẫn; cùng với đó là niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí và các giấy tờ, biểu mẫu có liên quan đến giải quyết các thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân khi có nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ.

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có khoảng 43 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, trong đó chủ yếu thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (các lĩnh vực lữ hành, khách sạn, đăng ký thành lập doanh nghiệp). Tại Thành phố thực hiện 15 thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch như: đăng ký thành lập, sửa đổi, bổ sung, giải thể hộ kinh doanh cá thể; hợp tác xã. Các thủ tục hành chính này đã được đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm một cửa liên thông thành phố, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân đến giao dịch. Trung bình hàng năm, thành phố tiếp nhận và giải quyết khoảng 800 thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

Quá trình giải quyết không có hồ sơ chậm trễ, không yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhiều lần; cơ quan giải quyết hồ sơ đã cam kết rút ngắn thời gian giải quyết 10%/tổng thời gian quy định của thủ tục hành chính; tăng tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đa dạng cách thức thực hiện thủ tục để người dân, doanh nghiệp lựa chọn.

Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính và kiến nghị cắt giảm thành phần hồ sơ, tiết kiệm chi phí tuân thủ đối với một số thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, quá trình nộp hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân, thành phố đã hạn chế được tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có công chứng, chứng thực đối với hồ sơ, giấy tờ.

Các tổ chức, cá nhân khi tiếp cận các dịch vụ thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch được cán bộ công chức hướng dẫn tận tình, đầy đủ, kịp thời cung cấp thông tin có liên quan đến thủ tục hành chính cần được giải quyết. các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc đầy đủ, hiện đại; khu vực chờ giao dịch có hệ thống lấy số thứ tự tự động, được trang bị hệ thống máy tính kết nối internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu hồ sơ,....

Hệ thống máy tình tại Trung tâm một cửa liên thông thành phố được cài đặt phần mềm tiếp nhận hồ sơ, quy trình giải quyết và trả kết quả, do đó rất thuận tiện trong việc cập nhật số liệu từng hồ sơ, khi cần có thể tra cứu; đồng thời quản lý, theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

***Kính thưa hội nghị***

Tuy đã đạt những kết quả khá quan trọng, nhưng nhìn chung trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa Tỉnh còn gặp một số vướng mắc, hạn chế, đó là:

1. Sự phân cấp quản lý nhà nước về du lịch còn bất cập, gây khó khăn cho địa phương như: việc quản lý nhà nước đối với các công ty lữ hành, các tour du lịch, các khách sạn, nhà nghỉ; việc cấp Giấy phép hoạt động thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; thẩm định xếp hạng các cơ sở khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng thì thành phố không được tham gia quản lý, thẩm định. Tuy nhiên, các hoạt động về kinh doanh, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, thái độ kinh doanh, phục vụ, văn minh trong kinh doanh, giá cả thì thành phố phải chịu trách nhiệm quản lý.

2. Theo phản ánh của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ, hiện nay việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp được tiếp nhận thông qua Trung tâm hành chính công của tỉnh, nhưng cán bộ tiếp nhận hồ sơ không phải cán bộ đăng ký kinh doanh. Điều này sẽ khiến doanh nghiệp mất nhiều thời gian hơn cho việc thực hiện thủ tục hành chính do việc luân chuyển hồ sơ giấy thường theo giờ và lượt định kỳ trong ngày, cán bộ tiếp nhận hồ sơ không có chuyên môn, nghiệp vụ nên không thể hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp dẫn đến việc doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để thực hiện thủ tục hành chính.

3. Việc áp dụng công nghệ trực tuyến trong đăng ký doanh nghiệp vẫn còn khó khăn*.* Qua thực tế triển khai, rất ít doanh nghiệp có thể tự sử dụng công cụ trực tuyến để đăng ký doanh nghiệp. Nguyên nhân là do việc đăng ký doanh nghiệp trực tuyến tương đối phức tạp. Để thao tác hoàn thành bộ hồ sơ đăng ký, nhà đầu tư phải đọc Hướng dẫn quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và phải nắm luật, phải biết điền chọn đúng ngành nghề trong hệ thống ngành nghề kinh doanh... Điều này khiến cho người dân lúng túng và không thực hiện được.

Ngoài nguyên nhân là người dân chưa có thói quen sử dụng dịch vụ hành chính điện tử thì mặt phức tạp của hệ thống đăng ký doanh nghiệp trực tuyến cũng khiến cho nó không mang nhiều ý nghĩa thực tiễn, gây lãng phí nguồn lực và không đạt được những hiệu quả như kỳ vọng.

4. Tình trạng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh rất dễ bị cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh trả lại với các lý do như hồ sơ khai không đúng ngành nghề, dịch tên viết tắt không đúng..., do đó nhà đầu tư để “được việc” thường phải bỏ ra các chi phí không chính thức. Bên cạnh đó, một số cán bộ không đủ năng lực chuyên môn để thẩm định các nội dung đăng ký doanh nghiệp là đúng hay sai, vì thế dẫn đến nhiều sai sót khi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Một số các đối tượng bị cấm tham gia thành lập quản lý doanh nghiệp như cán bộ, công chức, sĩ quan... thành lập doanh nghiệp nhưng khó có cơ chế kiểm tra, kiểm soát được. Điều này không những ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh ổn định mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều cá nhân, tổ chức có liên quan.

***Kính thưa hội nghị!***

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc nêu trên và nhằm làm tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực nói chung và lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch nói riêng, tại hội nghị này tham mặt cho Hội Luật gia thành phố Tôi xin có một số đề xuất, kiến nghị đó là:

*Thứ nhất,* Khi thực hiện quản lý đối với các công ty lữ hành, các tour du lịch, các khách sạn, nhà nghỉ; thẩm định xếp hạng các cơ sở khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng phải có sự tham gia quản lý, thẩm định của địa phương để nhằm thống nhất trong việc quản lý điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn.

*Thứ hai,* Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo, cơ quan, đơn vị trong quán triệt, phổ biến và triển khai các chương trình, kế hoạch cải cách hành thủ tục hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện các thủ tục hành chính.

*Thứ ba,* Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa hồ sơ thủ tục hành chính, phấn đấu giảm số giờ thực hiện thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm việc niêm yết, công khai tất cả các thủ tục hành chính tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; đăng tải, cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử của địa phương nhằm công khai cho tổ chức và cá nhân biết để thực hiện.

*Thứ tư,* Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nhằm đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh. Tích cực đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau trong thực hiện các thủ tục hành chính.

*Thứ năm,* Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nắm bắt kịp thời, đầy đủ các quy định pháp luật, các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nâng cao ý thức tuân thủ chính sách, pháp luật của doanh nghiệp và cán bộ, công chức. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp, phát huy vai trò cầu nối giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

*- Thứ sáu,* Tăng cường tổ chức các hội nghị đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhất là về cơ chế chính sách và thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn hiện nay (đại dịch COVID-19 gây ra đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiêp).

*- Thứ bảy,* Tăng cường kiểm tra giám sát, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật và tác phong ứng xử, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ.

**Một số tình huống hỏi đáp:**

***1. Câu hỏi: Tôi có nhu cầu kinh doanh các mặt hàng hải sản tươi sống phục vụ khách du lịch. Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh như thế nào?***

***Trả lời:*** Cá nhân hoặc nhóm cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến Trung tâm một cửa liên thông cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh. Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (theo mẫu)

- Bản sao hợp lệ Thẻ CCCD hoặc CMND hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình và bản sao hợp lệ biên bản họp nhóm cá nhân về việc thành lập hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập;

- Danh sách các cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh (nếu có)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu có đủ các điều kiện về ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh; tên hộ kinh doanh dự định đăng ký phù hợp quy định của pháp luật Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh.

***2. Câu hỏi:*** ***Tôi kinh doanh cửa hàng hải sản, thuê mặt bằng kinh doanh hết 5 triệu một tháng, đóng thuế thu khoán 800.000 đồng một tháng, thuế môn bài 2 triệu mỗi năm, đóng thuế doanh thu 1% và đóng thuế thu nhập cá nhân 0,5%. Trong khi tôi đang nuôi 2 con nhỏ và bố, mẹ già. Vậy tôi có được hoàn thuế thu nhập cá nhân hay không?***

**Trả lời:** Theo quy định hiện hành, trường hợp cá nhân kinh doanh đã nộp thuế khoán (thuế thu nhập cá nhân và thuế GTGT) theo tỷ lệ ấn định thì không thuộc đối tượng phải quyết toán thuế và không được hoàn thuế.

***3. Hỏi:* *Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có thay đổi, bổ sung số tài khoản tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thì có cần thông báo với cơ quan thuế hay không?***

***Trả lời:*** Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu có thay đổi, bổ sung số tài khoản doanh nghiệp phải gửi bổ sung thông tin về số tài khoản thay đổi với cơ quan thuế theo mẫu số 08-MST tại Điều 9, Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

***4. Hỏi:* *Những doanh nghiệp được ưu đãi thuế miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm, đối với những chi phí phát sinh trong sản xuất kinh doanh nhưng doanh nghiệp không khai hoặc không đưa vào chi phí. Doanh nghiệp có vi phạm luật gì không?***

***Trả lời:*** Đối với trường hợp nêu trên doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán theo quy định của Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ.

***5. Hỏi: Doanh nghiệp mua hải sản tươi sống, mang về sơ chế qua: sấy khô, cắt lát,… khi bán ra chịu thuế GTGT bao nhiêu %?***

***Trả lời:*** Căn cứ khoản 5 Điều 5 Thông tư số [219/2013/TT-BTC](https://luatminhkhue.vn/thong-tu-219-2013-tt-btc-cua-bo-tai-chinh-ve-viec-huong-dan-thi-hanh-mot-so-dieu-cua-luat-thue-gia-tri-gia-tang.aspx) ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chínhnếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì tính như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế;

+ Trường hợp doanh nghiệp bán cho hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức khác không phải doanh nghiệp thì chịu thuế suất 5%

Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT tính theo tỷ lệ 1% trên doanh thu.

***Kính thưa hội nghị***

Trên đây là một số ý kiến tham luận của Hội Luật gia thành phố Đồng Hới về thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch. Cuối cùng, xin chúc các quý vị đại biểu, các đồng chí sức khoẻ, hạnh phúc, thành đạt.

**MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ TỪ THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH**

**Nguyễn Nghiên**

**Nhà giáo - Giảng viên Maketing -**

**Giám đốc Công ty TNHH SX-TM và DVDL Anh Linh.**

**Số 38 Dương Văn An - TP Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình**

*Kính thưa toàn thể Hội nghị*!

Tôi xin trình bày trước toàn thể Hội nghị với nội dung: *Một số khó khăn vướng mắc và đề xuất, kiến nghị từ thực tiễn, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh nói chung và dịch vụ du lịch nói riêng*

Du lịch và phát triển du lịch ngày càng được Đảng, nhà nước, các ngành, địa phương trong cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng quan tâm, coi ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình ban hành Chương trình hành động về phát triển du lịch, giai đoạn 2016 – 2020. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển du lịch đã thành lập Sở Du lịch trên cơ sở chia tách Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao. Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh triển khai sâu rộng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định của Nhà nước về du lịch, qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò, vị trí, lợi ích của ngành du lịch, dịch vụ được nâng cao, tích cực bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch. Thực hiện nếp sống văn minh, ứng xử lịch sự, mến khách, tự giác, tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, hướng đến xây dựng môi trường du lịch xanh - sạch - thân thiện. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch ngày càng quy mô, được đầu tư về nội dung, đi vào chiều sâu. Đặc biệt các hoạt động xúc tiến du lịch Quảng Bình ra thị trường quốc tế có sự chuyển biến lớn về cả nội dung, phương thức và nổi bật so với trước đây. Các điểm đến, các dịch vụ du lịch bước đầu đã được đầu tư phát triển. Công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính được quan tâm hơn. Các thủ tục hành chính, các chính sách, quy định về đầu tư, kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực du lịch ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, tính công khai, minh bạch ngày càng cao. Đã ban hành và triển khai thực hiện một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Giai đoạn 2016 - 2020. Tình hình an ninh du lịch được đảm bảo, văn hóa du lịch văn minh, bình đẳng. Định kỳ các Sở, ngành, Hội Doanh nghiệp và UBND tỉnh tổ chức gặp mặt Doanh nghiệp đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các quy định, chính sách về sản xuất kinh doanh; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị của Doanh nghiệp bước đầu được quan tâm, tháo gỡ.

Tuy nhiên, các loại hình sản phẩm du lịch còn ít so với tiềm năng, các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, làng nghề để phục vụ khách du lịch còn hạn chế. Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng du lịch tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng thiếu đồng bộ; thiếu các khu vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm, chợ đêm, trạm dừng chân trên các tuyến đường, bãi đỗ xe du lịch tại thành phố Đồng Hới, các dịch vụ hỗ trợ phục vụ du khách... Công tác hướng dẫn, phục vụ, vệ sinh môi trường tại một số cơ sở kinh doanh dịch vụ, một số điểm du lịch chưa tốt. Quảng Bình là tỉnh thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão, lũ, gây khó khăn cho sự phát triển du lịch. Đặc biệt là sự ảnh hưởng của sự cố môi trường biển năm 2016, dịch bệnh COVID-19... đã gây tổn thất nặng nề cho ngành du lịch Quảng Bình, đặc biệt là về kinh doanh nhà hàng, khách sạn như chúng tôi. Hậu quả của ô nhiễm môi trường biển do Formosa gây ra chưa khắc phục xong, thì đại dịch COVID-19 lại ập tới.

Mặc dù pháp luật ngày càng hoàn thiện, thủ tục hành chính được công khai, minh bạch, đều được mẫu hóa...Nhưng giữa quy định của pháp luật và thi hành pháp luật còn có khoảng cách rất lớn, còn nhiều khó khăn, tồn tại, hạn chế, bất cập cần được tháo gỡ, giải quyết. Một số ít người dân và kể cả công chức nhà nước chưa nắm bắt kịp thời, đầy đủ, hiểu đúng các quy định, các chính sách; một số còn thiếu nhiệt tình, chu đáo trong việc hướng dẫn hoặc khi giải quyết hồ sơ, thủ tục cho người dân và doanh nghiệp. Các quy định hành chính thì ngày càng hoàn thiện, đầy đủ, được công khai, nhưng hành vi hành chính của một bộ phận những người được trao quyền thực thi, thì còn có những vấn đề cần quan tâm, cần triệt đểSự phối hợp giữa các cơ quan chức năng khi thực thi công vụ chưa chặt chẽ nên đã gây khó khăn, phiền hà, làm ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp. Thậm chí còn có những suy nghĩ lệch lạc và việc làm sai trái. Việc đúng thì cho là sai, việc sai thì cho là đúng. Hành động theo cảm tính, phát ngôn kiện cáo không chuẩn, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cá nhân và trật tự an toàn xã hội. Tôi xin nêu một vài sự việc như sau:

- Có lần đi tập huấn Marketing cho một số doanh nghiệp ở các tỉnh phía Bắc. Trong 5 ngày đầu, tôi nói về tính pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, có một chị trong lớp chia sẻ: Thửa đất của chị được địa phương cấp năm 1992, đất vùng đó hoang vắng cằn cỗi lắm, họ động viên chị khai phá và cấp đo cho gia đình, vị trí mảnh đất đó ở giữa, tiếp giáp với các phần đất đã cấp cho những người khác. Trong một thời gian dài 15 năm, vợ chồng chị bỏ vốn, cải tạo xây dựng trang trại, nhà cửa. Một thời gian sau, vận may đã đến với gia đình chị. Con đường trước trang trại của chị mở rộng thành đại lộ dọc về khu du lịch của dự án mới quy hoạch. Đất ở đây bỗng nhiên trở thành *“vàng, kim cương*”. Lúc này, Chính quyền địa phương đến đo lại diện tích trang trại của chị và các hộ liền kề. Người thừa ít, người thừa nhiều, trong đó phần trang trại của chị diện tích lớn hơn số đo cũ 1/4 và họ đòi lại phần đất thừa để cấp cho người khác. Một số gia đình chấp hành theo chính quyền, một số không chấp hành, trong đó có chị. Chị không chấp hành, đồng nghĩa với việc bị cưỡng chế, giải tỏa. *“Của đau con xót*” lúc đó anh chồng hằng ngày cứ uống rượu say và cầm dao đến chính quyền đòi công lý...; chị rất sợ và không biết làm gì nhờ tư vấn...Nguyên nhân sự việc đã rõ: Do không hiểu biết pháp luật, đã không rõ lại không biết tìm đến ai, nhờ ai giúp đỡ, dẫn đến làm liều, rồi phạm pháp.

- Một số nơi, vẫn còn tình trạng người có thẩm quyền, cán bộ thi hành công vụ lại dùng quyền lực để áp đặt giải quyết mà không tuân theo quy định của pháp luật. Về thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh du lịch: nhiều vấn đề còn bất cập. Có những hoạt động của cơ quan chức năng không những không tạo điều kiện mà còn gây khó khăn, phiền nhiễu cho doanh nghiệp, như: Để xây dựng khách sạn và đưa khách sạn vào kinh doanh hợp pháp, chủ khách sạn phải thực hiện và tuân theo rất nhiều thủ tục, điều kiện, quy chuẩn, qua rất nhiều cơ quan giải quyết. Chỉ riêng việc xin giấy phép xây dựng khách sạn cũng đã phải thực hiện các bước và phải có các hồ sơ như: Đăng ký kinh doanh khách sạn; Thiết kế hồ sơ bản vẽ kỹ thuật xin phép xây dựng khách sạn đạt tiêu chuẩn yêu cầu theo quy định; điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định; Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xin phép xây dựng kèm theo bản vẽ và giấy phép đăng ký kinh doanh; Xin chỉ tiêu kinh doanh khách sạn; nộp 03 bộ hồ sơ thiết kế, mỗi bộ gồm: mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; bản vẽ mặt bằng móng và chi tiết mặt cắt móng; sơ đồ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cấp nước, cấp điện.v.v.v. Nước sinh hoạt của khách sạn mức độ ô nhiễm như thế nào thì ai cũng rõ. Nước cho khách tắm và dầu tắm, gội của khách nghỉ được xả thải ra môi trường theo một đường đấu nối cố định và khách sạn phải chịu một lượng tiền khá lớn để công ty môi trường xử lý. Ấy vậy mà hằng năm các tổ chức từ thành phố đến tỉnh, thậm chí cảnh sát môi trường gắt gao kiểm tra! Theo tôi, kiểm tra là việc nên làm, nhưng kiểm tra như thế nào cho đúng? Nên kiểm tra những nơi, những ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm cao, những nơi, những công trình mà hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cấp nước chưa đảm bảo… Vì nếu kiểm tra tràn lan hoặc nhiều lần trong khi hệ thống thoát nước thải đã đảm bảo tiêu chuẩn và nước thải được xả ra đúng nơi cần xả, thì việc kiểm tra chẳng giúp gì cho doanh nghiệp, bởi vì khách sạn đâu có độc tố gì, nơi nghỉ ngơi của khách chắc chắn không ai dại gì đem chất thải khác đến đây để đổ trộm ra môi trường rồi phải có những chi phí vô lý! Biết thế nhưng cũng đành “ *Ngậm bồ hòn làm ngọt*”.

Hoặc cột thu lôi chống sét của khách sạn mang tính cố định được thẩm duyệt vậy tại sao hằng năm cảnh sát lại bắt khách sạn phải thuê một đơn vị độc lập đo độ Ôm... Mất tiền phiền hà lắm mà không biết kêu ai. Tôi nghĩ: doanh nghiệp sai, cán bộ phạt, vậy cán bộ làm sai, phiền hà có bị phạt không, ai phạt?

*Kính thưa quý vị đại biểu!*  Từ thực tiễn nêu trên, tôi xin nêu nguyên nhân và một số đề xuất, kiến nghị sau đây:

Trước hết để tìm giải pháp cho những vướng mắc, chúng ta phải tìm ra được nguyên nhân tại sao có những vướng mắc đó:

- Như trên tôi đã đề cập, pháp luật của nhà nước ta ngày càng hoàn thiện, đồng bộ. Mỗi kỳ họp, Quốc hội thông qua 10 – 20 Luật, Bộ luật (kể cả sửa đổi, bổ sung); rồi Chính phủ, các Bộ, ngành thường xuyên ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Mỗi kỳ họp, HĐND tỉnh cũng đã ban hành 10- 20 nghị quyết…Hàng ngàn thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực đã được ban hành và công bố công khai, được mẫu hóa… Nhưng các quy định của pháp luật, các thủ tục hành chính mặc dù được công khai nhưng không phải ai cũng biết, ai cũng năm rõ, hiểu đúng. Vẫn còn nhiều người dân, doanh nghiệp và kể cả người thi hành công vụ cũng chưa nắm bắt kịp thời, đầy đủ các quy định. Bên cạnh đó, một số cán bộ lợi dụng công việc, tự tạo ra và giải quyết công việc bằng cơ chế” xin cho”. Có thể họ biết, nhưng vì lợi ích riêng nên xử theo lối “ đục nước béo cò”. Có cán bộ có đức lại không có tài, khi giải quyết vụ việc do không vững về chuyên môn nên hướng dẫn thiếu thống nhất, bắt người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần hoặc nhận hồ sơ rồi cứ để đó, người dân, doanh nghiệp không biết đâu mà lần. Một số cán bộ có tài mà không có đức giải quyết vụ việc theo cách: lợi mình khó người “ mượn gió bẻ măng”. Bởi vậy theo tôi cần có thực hiện nghiêm túc, triệt để việc phân loại, đánh giá công chức được phân công trực tiếp thụ lý và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, ai có công thì thưởng, ai có tội thì phạt. Những cán bộ không có tài, không có đức, thì đề nghị cho nghỉ việc giống như tư nhân chúng tôi để làm gương cho người khác nếu không người dân, doanh nghiệp sẽ còn khổ nhiều vì họ.

- Đề nghị tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính. Đề nghị Sở Tư pháp và Hội Luật gia tỉnh tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, cho mọi tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp, thực hiện: Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Mặt khác, cần tiếp tục rà soát và đề nghị sửa đổi, bãi bỏ các quy định không phù hợp, các thủ tục hành chính còn rườm rà, không cần thiết. Quá trình ban hành thủ tục hành chính đòi hỏi công khai, minh bạch, thì khi thực thi, thực hiện trong thực tế tính công khai, minh bạch đòi hỏi phải cao hơn, càng triệt để hơn, khách quan, bình đẳng hơn. Chúng ta nói nhiều về cải cách hành chính nhưng chưa đi vào thực tế lắm, theo tôi nên quy định cụ thể rõ ràng, phải có brem chuẩn, giống như brem chấm thi của người thầy. Nếu không nó vẫn cứ mơ hồ có chỗ hở cho những ai đó lợi dụng, tiếp tục tạo lợi ích nhóm. Chúng ta phải trăn trở, vì sao cũng thực hiện các thủ tục hành chính như nhau (hầu hết các thủ tục hành chính đều được áp dụng chung, thống nhất trong toàn quốc, trừ các TTHC do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành, nếu được Luật quy định) nhưng tại sao nhiều tỉnh làm tốt, đạt chỉ số và thứ hạng cao về cải cách hành chính và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh? Do thủ tục rườm rà hay do người thực hiện tạo ra sự rườm rà, khó khăn?

- Những năm qua, Hội luật gia tỉnh Quảng Bình bằng nhiều hình thức khác nhau đã giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận với pháp luật và thủ tục hành chính thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Song thực sự Hội đã phát huy hết tiềm năng và trách nhiệm, chức năng của mình chưa? Vai trò xã hội của các Luật sư đã phát huy tốt chưa? Luật sư đã thực hiện đồng hành cùng doanh nghiệp chưa? Đã là chỗ dựa tin cậy cho người dân và doanh nghiệp khi họ gặp rắc rối hoặc liên quan đến pháp luật chưa? Các Luật sư, Luật gia đã có cuộc sống tốt với nghề nghiệp mình chưa? Không ai khác, theo tôi, Hội Luật gia và Hội viên Luật gia phải giữ vị trí trung tâm để tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho mọi người; phải phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong cải cách hành chính, cải cách tư pháp, có như vậy việc cải cách hành chính mới đi vào thực chất (Năm qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Quảng Bình được xếp vào hạng thấp trong cả nước). Doanh nghiệp Quảng Bình chấm điểm cho Quảng Bình thấp chẳng khác gì lấy đá ghè vào chân mình. Cán bộ công chức Quảng Bình suy nghĩ gì về việc này? Bởi vì chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh thấp, nó ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư. Tại sao chúng ta không ngồi lại để chia sẻ, trao đổi giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành, các cấp và doanh nghiệp để góp ý thông cảm cho nhau, cùng nhau tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cùng nhau tìm hiểu nguyên nhân để có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chỉ số cạnh tranh lên, nếu không, xét cho cùng ai cũng bị thiệt cả ( nếu chỉ số thấp, lãnh đạo thì bị đánh giá năng lực chỉ đạo điều hành; không thu hút được đầu tư; doanh nghiệp trong tỉnh, nhất là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch cũng bị hệ lụy vì khách hàng, khách tham quan du lịch và các hoạt động du lịch cũng vì thế mà bị hạn chế, bị ảnh hưởng).

Chúng ta sống trong thời đại mới - Học tập và làm việc theo tấm gương, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh , ai cũng tài cao đức dày như Bác Hồ, Bác Giáp, Bác Trọng thì dân ta được nhờ lắm, lòng tin của người dân đối với Đảng, nhà nước cũng nhờ có những người như thế; đất nước ta đã và sẽ phát triển nhanh không thua kém ai cả. Đợt dịch vừa qua nếu không có những đầu óc thông minh, đức độ, nhạy bén, linh hoạt của những người đứng đầu; không có những bác sỹ, thấy thuốc tận tụy, giỏi, tài trí về nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm và quan trọng nhất đó là sự đoàn kết, đồng lòng, đồng sức, biết chia sẻ của dân ta thì đâu chúng ta có thể có được những ngày thái lai như hôm nay.

Theo tôi nghĩ: Làm kinh tế cũng vậy, chúng ta sẽ không thua kém ai. Ta nói được làm được, phát huy vị thế và tính đặc thù của nghề nghiệp, đề nghị các luật sư phát huy tính phản biện trong các cuộc đối thoại, chất vấn với các cơ quan chức năng; kiên quyết, triệt để hơn trong cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; trong công cuộc chống tham nhũng như việc: Kê khai tài sản của người đứng đầu trước khi nhận chức. Việc này tôi nghe nói nhiều rồi, nhưng chưa thấy chuyển biến nhiều trong thực tế. Là những người có lý lẽ, nắm luật pháp, vậy trước vấn đề này Hội Luật gia, các Luật gia, Luật sư có trách nhiệm gì không?

Sau cải cách ruộng đất, Bác Hồ có nói: Chúng ta hãy để cho người nông dân tự quyết trên đường cày của họ. Để làm tròn trach nhiệm của mình, trở thành luật sư giỏi, hội luật gia vững mạnh, với lý lẽ và sự hiểu biết pháp luật sẵn có của mình, tôi hy vọng đội ngũ này từng bước góp phần đẩy lùi được những bất công trong xã hội.

Kính thưa quý vị! Cách đây 2564 năm giáo lý nhà phật đã nói đến luật nhân quả, trong lịch sử cận đại, Triết học Mác Lenin đã nói về 2 nguyên lý (nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển); 3 quy luật (quy luật mâu thuẫn, quy luật lượng- chất và quy luật phủ định của phủ định) và 6 cặp phạm trù. Mọi người sinh ra và lớn lên đều chịu sự chi phối của quy luật, chứ quy luật có chừa ai đâu. Con tạo xoay vần luật đời tạo hóa, cầu mong cho mọi người “Phúc đến họa đi” với quan điểm “ Cho đi để được nhận lại”. Tôi nói những điều này không phải để “lên mặt dạy đời”, nhưng với kinh nghiệm nghề nghiệp của bản thân - 23 năm làm nghề du lịch, 23 năm tư vấn kinh doanh và cũng đã gặt hái được một số thành công, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị chứ không có ý gì chỉ trích ai đâu. Cũng như người bán hàng: Muốn có nhiều khách hàng đến thì trước hết mình phải làm gì cho họ? Hay nói cách khác mình muốn sướng thì hãy làm cho khách hàng sướng trước ắt họ sẽ làm lại cho mình sướng theo.

**Một số tình huống cụ thể**

**Câu 1. Những nhân tố nào ảnh hưởng đến phát triển du lịch của tỉnh nhà?**

**Trả lời:**

Như chúng ta đã biết, Quảng Bình với tiềm năng hết sức phong phú về tài nguyên du lịch, đặc biệt là tài nguyên tự nhiên, du lịch Quảng Bình có nhiều điều kiện để phát triển trên cơ sở khai thác các lợi thế của mình. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định, phát triển du lịch là một trong ba chương trình trọng điểm của tỉnh. Trong những năm qua, nhờ những nỗ lực, quyết tâm lớn của ngành, sự quan tâm tạo điều kiện của tỉnh, sự hỗ trợ tích cực của các ban, ngành từ Trung ương tới địa phương, ngành du lịch tỉnh Quảng Bình đã đạt được những thành tựu nhất định.

Tuy nhiên, kinh doanh du lịch là ngành hết sức nhạy cảm, nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Điều kiện tự nhiên; tình hình kinh tế, chính trị; văn hóa ứng xử của con người; công tác quản lý NN và an ninh trật tự...Vì vậy, du lịch Quảng Bình cũng không là trường hợp ngoại lệ, việc phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh có thể bị ảnh hưởng bới các nhân tố sau:

- Tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới và khu vực;

- Tình hình phát triển kinh tế của đất nước;

- Nhu cầu của du khách;

- Môi trường ngành du lịch của địa phương;

- Năng lực phát triển du lịch của địa phương, gồm: Công tác quản lý Nhà nước về du lịch; Tình hình cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật; Yếu tố tài nguyên du lịch; Dân cư và lao động; Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành và liên kết  
ngành, vùng.

**Câu 2. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong phát triển du lịch ở Quảng Bình, đâu là nguyên nhân?**

**Trả lời:**

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Bình đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển du lịch. Chính quyền các cấp trong tỉnh triển khai sâu rộng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định của Nhà nước về du lịch, qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò, vị trí, lợi ích của ngành du lịch. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch ngày càng quy mô, được đầu tư về nội dung, đi vào chiều sâu; các điểm đến, các dịch vụ du lịch bước đầu đã được đầu tư phát triển; công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính được quan tâm hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, du lịch Quảng Bình vẫn còn một số tồn, tại hạn chế như sau:

- Sản phẩm du lịch tuy có chuyển biến, nhưng nhìn chung còn tăng trưởng chậm, còn nghèo nàn đơn điệu, chưa đủ sức hấp dẫn, chưa tạo được những sản phẩm du lịch đặc thù;

- Công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch còn manh mún, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của ngành; hoạt động tìm kiếm khai thác thị trường mới chưa được thực hiện chủ động, hiệu quả chưa cao.

Nguyên nhân tồn tại:

- Việc khai thác tài nguyên du lịch còn mang tính tự phát, mất cân đối và thiếu tính bền vững;

- Công tác quản lý nhà nước thực hiện quy hoạch còn yếu, việc triển khai các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư còn chậm, quản lý sau quy hoạch chưa tốt. Việc phối hợp quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch giữa các cấp, các ngành và địa phương còn lúng túng, thiếu chặt chẽ.

**Câu 3. Những giải pháp nào cho du lịch Quảng Bình trong thời gian tới.**

**Trả lời:**

1. Giải pháp về quy hoạch phát triển du lịch

Sau khi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, cần tập trung củng cố, hoàn thiện và đưa vào khai thác một cách có hiệu quả. Với các các nội dung cần đạt được như sau:

- Tiến hành rà soát, triển khai lập và xét duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực trọng điểm phát triển du lịch để xây dựng các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch theo từng giai đoạn.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch. Đặc biệt chú ý đến vấn đề tham gia của cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch chi tiết cũng như quá trình thực hiện quy hoạch, cần chuyển hướng từ lập kế hoạch theo đầu vào sang cách lập kế hoạch dựa trên kết quả. Một khi du lịch đã được xác định là ngành then chốt, ngành mũi nhọn của tỉnh thì sự tham gia của cộng đồng dân cư là hết sức cần thiết, mang tính quyết định đến sự thành công của các chiến lược phát triển du lịch mà tỉnh đã đề ra.

2. Đa dạng hóa và nâng cao chất lựợng sản phẩm du lịch

Sự đa dạng đem lại cho khách nhiều cơ hội lựa chọn. Còn nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch là toàn bộ những hoạt động để duy trì và đưa chất lượng lên mức cao hơn trước.

Với tiềm năng và lợi thế của mình, du lịch Quảng Bình cần có sự quy hoạch, sàng lọc, nghiên cứu, đầu tư xây dựng và quảng bá thương hiệu bài bản. Trong đó tập trung vào những sản phẩm phát huy được các thế mạnh, bản sắc địa phương có tính hấp dẫn cao: Du lịch gắn với Di sản thế giới Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng; Du lịch gắn với biển; Du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh với các sản phẩm chính. Ngoài ra cần xây dựng phát triển các loại hình du lịch bổ trợ, với vai trò làm phong phú thêm sản phẩm du lịch là:

- Du lịch sinh thái núi

- Du lịch Văn hóa

- Du lịch công vụ, thăm thân kết hợp tham quan, nghỉ mát

- Du lịch gắn với thương mại cửa khẩu

Chú trọng tạo sự đa dạng hóa trong liên thông, liên kết thống nhất và bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau giữa các sản phẩm du lịch và các hoạt động khách sạn - lữ hành- hàng không - thương mại trong việc hợp tác tuor du lịch để tăng tính cạnh tranh quốc tế.

3. Đầu tư và thu hút nguồn vốn cho phát triển du lịch

Bất cứ ngành kinh tế nào muốn phát triển nhanh chóng cũng cần có sự đầu tư vốn thỏa đáng, ngành du lịch cũng vậy. Trên cơ sở quy hoạch du lịch và đạt được các mục tiêu phát triển du lịch Quảng Bình.

Chúc quý vị sức khỏe và luôn an vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn!

**MỤC LỤC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THAM LUẬN** | **NGƯỜI TRÌNH BÀY** | **SỐ TRANG** |
| 01 | Một số chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành và giải pháp, kiến nghị cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo triển khai thực hiện trên địa bàn Quảng Bình | Luật gia: Nguyễn Ngọc Phương - Tỉnh Ủy viên, Phó trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Hội Luật gia Quảng Bình | 01 - 10 |
| 02 | Một số chính sách pháp luật về thuế và các điều kiện, thủ tục hỗ trợ cho doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 | Luật gia: Hoàng Hữu Nghị - Chi hội Luật gia Cục Thuế tỉnh Quảng Bình | 11 - 23 |
| 03 | Tìm hiểu về Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và một số quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án. Một số đề xuất, kiến nghị từ thực tiễn triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình | Luật gia: Nguyễn Văn Nhượng - Nguyên Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Bình | 24 - 32 |
| 04 | Nhận diện và phòng tránh các rủi ra trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thong qua việc xét xử các vụ án kinh tế | Chi hội Luật gia Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình | 33 - 44 |
| 05 | Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh,  thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành. Một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị. | Luật gia, Luật sư: Nguyễn Xuân Tuyến - Phó Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Bình | 45 - 60 |
| 06 | Tìm hiểu về chỉ số chi phí không chính thức và chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật. Một số đề xuất, kiến nghị để góp phần cải thiện chỉ số chi phí không chính thức và chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật từ thực tiễn của tỉnh Quảng Bình | Chi hội Luật gia Thanh tra tỉnh Quảng Bình | 61 - 69 |
| 07 | Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các TTHC trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản. Một số đề xuất, kiến nghị và giải pháp từ thực tiễn thi hành trên địa bàn tỉnh | Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình | 70 - 73 |
| 08 | Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các TTHC trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; một số đề xuất, kiến nghị và giải pháp tiếp tục cải cách TTHC trong lĩnh vực này | Hội Luật gia thành phố Đồng Hới | 74 - 81 |
| 09 | Một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị từ thực tiễn thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch. | Ông: Nguyễn Nghiên - Nhà giáo, giảng viên Maketing, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM và DVDL Anh Linh. Số 38 Dương Văn An - TP Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình | 82 - 88 |